



# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Directeur de publication: Bùi Quang Hiếu

*Vấn đề trong tháng*

## Hội nghị Paris xác nhận một trật tự thế giới mới

Sự phấn khởi hồ hởi mà mọi người chờ đợi ở Hội Nghị An Ninh Và Hợp Tác Tại Châu Âu đã không đúng hẹn. Những nghi lễ long trọng và buổi dạ tiệc vừa linh đình vừa vĩ đại tại lâu đài Versailles tối thứ hai 19-11-1990 không thể thay đổi được thành quả rất khiêm nhường của hội nghị. Ngoài sự long trọng xác nhận chiến tranh lạnh đã cáo chung, nhiều vấn đề quan trọng đến tương lai thế giới đã không được đào sâu hay đã không được đề cập tới. Dự luận đã thất vọng.

Lý do đầu tiên của sự thất vọng có lẽ là vì người ta quên rằng dấu sao đi nữa đây không phải là một hội nghị thế giới mà chỉ là một hội nghị của các nước Châu Âu. Hoa Kỳ và Canada đã có mặt bởi vì hai nước này là thành viên của liên minh quân sự Bắc Đại Tây Dương. Người ta đã chờ đợi quá nhiều ở hội nghị đến nỗi quên mất giới hạn tự nhiên của nó. Đây là chưa kể tới sự kiện

tâm trí các lãnh tụ Tây Âu cũng như Hoa Kỳ đều đang bồn chồn vì một lo âu mới: làm thế nào để hội nhập một Đông Âu nghèo nàn, thoái hóa đang tập tễnh những bước đi dân chủ đầu tiên vào một Tây Âu giàu có và dân chủ nhưng đang bị suy nhược vì một tâm lý ích kỷ lan tràn.

Châu Âu bỗng nhiên bị đặt trước một thử thách với chính mình. Tướng De Gaulle từng bày tỏ mơ ước một Châu Âu từ Đại Tây Dương tới dãy núi Ural (L'Europe de l'Atlantique à l'Oural). Giấc mơ ấy đã được mọi người Châu Âu vội vã chia sẻ mà không bàn cãi vì sự không tưởng của nó. Có ai mất thì giờ để phản đối một ước vọng vừa đẹp, vừa vô hại, lại vừa không thể xảy ra? Nhưng giờ đây bỗng nhiên giấc mơ ấy thành sự thực, và nó đột ngột đặt Châu Âu trước những vấn đề tưởng đâu không có. Hệ thống cộng sản, trong muôn ngàn cái dở, ít ra cũng làm được một việc là trấn áp những xu hướng ly khai trong các nước Đông Âu và Liên Xô. Sự sụp đổ của các chế độ cộng sản đã tạo cơ hội cho các đòi hỏi sắc tộc nở bùng. Tiệp Khắc đang bối rối, Nam Tư hầu như chắc chắn sẽ tan vỡ, Romania, Hungary, Moldavia đều đã hoặc sẽ phải đương đầu với những xung đột chủng tộc đẫm máu. Riêng đối với Liên Bang Xô Viết, mọi người, kể cả tổng thống Gorbachev, đều biết rằng nó sẽ không thể tồn tại với thành phần hiện nay. Bản đồ Châu Âu chắc chắn sẽ phải vẽ lại.

Một đe dọa mới cho các nước Tây Âu là làm thế nào để đối phó với một làn sóng người Đông Âu đang chuẩn bị hành lý để di dân sang Tây Âu tìm kiếm một cuộc sống tiện nghi hơn. Châu Âu nói chung đang bất tỉnh linh bị đặt trước những vấn đề mà nó chưa chuẩn bị để giải quyết. Có thể nói là trong một thập niên nữa, ưu tư của Châu Âu sẽ chỉ là Châu Âu mà thôi.

Lý do thứ hai là biến cố Iraq-Kuwait còn đang quá gay gắt và chưa có được một hy vọng giải quyết tốt đẹp nào. Hội Nghị Paris tuy đã không chia rẽ trong thái độ đối với Iraq nhưng cũng đã không nhìn ra được một giải đáp ôn hòa nào cho một vấn đề nhức nhối; không chia rẽ nhưng cũng chỉ có thể chia buồn với nhau về một biến cố tai hại trong tất cả mọi trường hợp.

Quan trọng hơn hết, lý do thứ ba, là Liên Xô và Đức, hai diễn viên lớn kéo mọi sự chú ý, đã không xuất hiện với khuôn mặt tích cực như mọi người mong đợi.

Cộng Hòa Liên Bang Đức đã yêu cầu triệu tập hội nghị Paris với hy vọng là hội nghị sẽ gia tốc sự thống nhất của nước Đức.

### Trong số này

1. Vấn đề trong tháng:

**Hội nghị Paris xác nhận một trật tự thế giới mới**

3. Hội Luận Dân Chủ Đa Nguyên:

**Bàn về đối trọng**

*Đỗ Đình Thành*

6. Tham Luận:

**Những yêu cầu để xây dựng Tự Do, Dân Chủ và Đa Nguyên**

*Nguyễn Chính Phương*

10. Thư Sài Gòn:

**Một cuộc chiến mới đã bắt đầu**

*Đoàn Cơ*

11. Thời sự- Tin tức

17. Độc giả viết

18. Viết cho ngày giỗ Hàn Mạc Tử

*Đặng Tiến*

20. Sở tay:

**Thái Thanh, tiếng hát lên trời**

*Thụy Khuê*

Nhưng giờ đây, nước Đức đã thống nhất nên Bonn không còn nhìn thấy ích lợi của hội nghị nữa. Ưu tư của Đức vì vậy chỉ còn là được yên ổn để tự giải quyết lấy những vấn đề mà vận hội mới vừa đặt ra.

Gorbachev đã đến Paris với huân chương còn lộng lẫy, còn mới tinh, của giải Nobel về hòa bình, nhưng cũng tới với một khuôn mặt đầy ưu phiền và với những hồ sơ nan giải. Ngày kỷ niệm thứ 73 Cách mạng tháng 10 đã tố cáo một cách hùng hồn sự tan hoang của Liên Xô. Trong 15 nước Cộng Hòa thành viên, ba nước (Ukrainia, Azerbaijan, Georgia) đã bãi bỏ lễ kỷ niệm. Hai nước khác, Latvia và Armenia, đã lấy quyết định đáng kinh ngạc là cấm biểu tình tuần hành. Hai nước Cộng Hòa Baltic khác, tuy không hủy bỏ, không cấm đoán, nhưng cũng không tổ chức một nghi lễ nào cả.

Liên Bang Xô Viết với cái tên chính thức của nó, Liên Bang Các Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết, là quốc gia duy nhất trên thế giới mà quốc hiệu không hề mang một quy chiếu sắc tộc hoặc địa dư nào cả, mà chỉ chứa đựng một chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là sợi dây ràng buộc duy nhất của Liên Bang vì vậy khi chủ nghĩa ấy không còn nữa thì phải nhìn nhận rằng thực tế Liên Bang Xô Viết cũng không còn. Gorbachev từng cảm đau một quốc gia đã mất nội dung. Các khó khăn kinh tế mà Liên Xô chưa từng thấy từ sau thế chiến II cũng bắt buộc mọi người phải dự đoán rằng sự tan rã của Liên Bang Xô Viết không những sẽ không đảo ngược được mà còn tăng thêm vận tốc trong những ngày sắp tới.

Một lý do khác cũng đã làm giảm đi rất nhiều tiếng vang của hội nghị Paris là nhiều vấn đề quan trọng đã không được bàn tới. Dù đây chỉ là hội nghị về an ninh và hợp tác giữa các nước Châu Âu nhưng an ninh cũng như sự phồn vinh của Châu Âu không thể tách rời khỏi phần còn lại của thế giới. Sự chênh lệch càng ngày càng đáng lo ngại giữa các nước giàu và nghèo đã không có trong chương trình nghị sự. Những vi phạm nhân quyền và dân quyền tại Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ la-tinh cũng không được bàn tới. Hình như một khi tiến trình dân chủ hóa đã được đảm bảo tại Châu Âu rồi thì dân chủ cũng không còn là mối quan tâm hàng đầu của các nước Châu Âu nữa. Các chế độ độc tài còn tồn tại trên trái đất này sẽ có lý do để yên tâm vì ít nhất là trong một thời gian vài năm nữa họ sẽ không bị những áp lực đáng kể từ bên ngoài. Ngược lại các dân tộc đang cố gắng hành trình một cách khó khăn tới dân chủ như Trung Hoa, Việt Nam, Cuba... cũng có những lý do rất chính đáng để cảm thấy cô đơn. Ba mươi bốn quốc gia tham dự hội nghị Paris tuy chỉ đại diện cho 1/5 số người trên trái đất nhưng lại tập trung toàn bộ sức mạnh quân sự và đại diện cho 4/5 của cải trên thế giới. Sức mạnh ấy, ít ra trong nhất thời, sẽ không được sử dụng để đảm bảo tự do dân chủ cho những dân tộc không phải là người da trắng.

Người Châu Âu đang có quan ngại của riêng họ, và chùng nào sự đồng bộ và ổn vững giữa Đông Âu và Tây Âu chưa giải quyết xong thì mọi vấn đề khác của thế giới đều chỉ có một tầm quan trọng rất tương đối.

Dẫu vậy, tất cả những gì vừa nêu trên không thể làm lu mờ kết quả trọng đại của hội nghị Paris. Các cường quốc có khả năng tiêu diệt loài người đã làm hòa được với nhau. Thế chiến, và nhất là chiến tranh nguyên tử, sẽ không xảy ra nữa. Trái đất sẽ không bị tiêu diệt, điều này tự nó đã hết sức đáng lạc quan. Sẽ còn có những xung đột giới hạn, địa phương, nhưng nói chung thế giới đã đi vào kỷ nguyên hòa bình. Hội nghị Paris đánh dấu sự bế mạc của một thời đại và sự bắt đầu của một kỷ nguyên mới. Điều đặc

biệt đáng lưu ý là không phải chỉ có chiến tranh lạnh đã bị tuyên bố cáo chung. Hội nghị Paris cũng còn là nghi lễ cáo chung của nguyên nhân đã đưa đến căng thẳng: chủ nghĩa cộng sản. Ý nghĩa này cần được đặc biệt chú ý. Tuy không nói ra, nhưng hội nghị Paris vừa xác nhận một trật tự thế giới mới trong đó mọi bất đồng phải được giải quyết bằng đường lối hòa bình.

Người Việt Nam chúng ta cần lưu ý tới ý nghĩa thực sự của thời đại đang mở ra trước mắt chúng ta. Dù muốn hay không muốn, dân tộc Việt Nam từ đây sẽ thực sự được độc lập. Sẽ không có sức mạnh quốc tế nào giúp cho chế độ cộng sản Việt Nam đứng vững mãi nữa. Nhưng ngược lại cũng sẽ không có một sức mạnh quốc tế nào giúp chúng ta đảo thải chủ nghĩa cộng sản cả. Định mệnh của chúng ta nằm trong tay chúng ta. Mọi vấn đề của chúng ta cũng sẽ phải do chúng ta giải quyết lấy, kể cả vấn đề mà chúng ta thừa hưởng của chiến tranh lạnh, nghĩa là chế độ cộng sản hiện nay. Chúng ta từ lâu vẫn đòi hỏi vấn đề Việt Nam phải do người Việt nam giải quyết. Có lẽ nhiều người trong chúng ta không đo lường được hết mọi hậu quả của đòi hỏi ấy. Nhưng ngày nay đòi hỏi này đã trở thành sự thực. Chúng ta cũng bối rối như những người Châu Âu từng cố võ cho một Châu Âu rộng lớn từ bờ biển Đại Tây Dương đến dãy núi Ural. Nói chung đây là một điều đáng mừng và phải có, nhưng tự quyết cũng có cái giá của nó. Một trong những cái giá đó là không thể mong đợi những áp lực của các cường quốc để giải quyết giùm cho chúng ta vấn đề của chúng ta.

Sẽ không có một hội nghị quốc tế nào về Việt Nam cả. Sẽ chỉ có những tranh đấu của người Việt Nam để tạo áp lực quần chúng buộc chế độ cộng sản phải chấp nhận luật chơi dân chủ, chấp nhận bầu cử tự do. Và cũng sẽ chỉ có ý chí của quần chúng phát biểu qua bầu cử mới có thể đưa một lực lượng mới lên cầm vận mệnh đất nước.

Hội nghị Paris, mặc dầu những giới hạn tự nhiên cũng như có ý của nó, cũng vẫn là một trong những mốc quan trọng nhất sau thế chiến II. Nó đã bẻ gãy mọi đồng lõa ý hệ, tạo cơ hội cho mọi dân tộc tự quyết định lấy số phận của mình. Chúng ta phải nhận cơ hội này với mọi hậu quả lô-gích của nó, và phải hoan nghênh nó.

Vậy chúng ta phải làm gì?

Vấn đề thứ nhất là giữa người Việt Nam với nhau phải có đối thoại để tìm một giải pháp chấp nhận được cho mọi thành phần, mọi cá nhân thuộc mọi khuynh hướng chính trị, thuộc mọi quá khứ chính trị. Chúng ta phải chấp nhận lẫn nhau vì chúng ta chỉ còn có nhau chứ không thể trông đợi ở sự đỡ đầu bên ngoài nào cả. Thể chế Việt Nam trong tương lai vì vậy phải là một thể chế dân chủ đa nguyên nhìn nhận chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người.

Vấn đề kế tiếp là làm thế nào động viên mọi tấm lòng, mọi khối óc, mọi bàn tay của cả đất nước này để cùng nhau tiến lên bởi vì chúng ta bị bắt buộc phải chia xẻ với nhau một tương lai chung, một số phận chung trong một thế giới đầy tranh đua và không nhân nhượng, trong đó chúng ta đã quá chậm trễ. Nếu chúng ta muốn có một nước Việt Nam mà những người ngày hôm nay có thể sống được và những thế hệ ngày mai có thể tự hào, chắc chắn chúng ta không thể nào không tìm mọi cách để hàn gắn cái chất liệu nhân xã đã bị rách nát sau một quá khứ đại đột trong đó chúng ta đã tàn sát lẫn nhau vì những ý hệ ngoại nhập. Tinh thần này có một tên gọi: hòa giải dân tộc.

Thông Luận

# Bàn về đổi trọng

Đỗ Đình Thành

Đỗ Đình Thành, 40 tuổi, là một người đã từng ủng hộ Đảng Cộng Sản Việt Nam vì lương tâm chánh trị và đã trở thành đối lập với Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng vì lương tâm chánh trị. Bài "Vài suy nghĩ về đổi mới" của ông tháng 1-1988 đã gây sóng nổi trong giới Việt Kiều hải ngoại ủng hộ chính quyền cộng sản, vì Đỗ Đình Thành, dưới bút hiệu Trương Tam, đã thẳng thắn đề nghị Đảng Cộng Sản Việt Nam nên tự giải tán. Đỗ Đình Thành hiện thuộc nhóm chủ trương báo Diễn Đàn Mới xuất bản tại Bỉ. Bài này đã được đọc trong ngày Hội Luận Dân Chủ Đa Nguyên 27-10-90 tại Paris, trong đó nhóm chủ trương Diễn Đàn Mới là một thành viên của ban tổ chức.

Đất nước dân tộc đang ở một giai đoạn rất nguy kịch: xã hội băng hoại trên đà tao loạn, kinh tế suy sụp không có sản xuất (một thứ chủ nghĩa doanh thương đang hoành hành), chính trị bế tắc bởi cơ chế chuyên chính giáo điều hoang tưởng, văn hóa tư tưởng vẫn bị khống chế do ý thức hệ độc quyền. Một tình thế mang tính bùng nổ vì quá sức chịu đựng của nhân dân, vì sự sụp đổ của hệ thống chuyên chế là không tránh khỏi.

Vấn đề nêu ra là lịch sử dân tộc có sang trang được không, hay sẽ phải còn kéo dài lê thê trong vòng thù hận, xung đột, nhiễu nhương, không phát triển. Vận mạng tương lai của Việt Nam chỉ có thể do người Việt đảm nhận với trách nhiệm và sáng suốt.

Tình hình hiện nay là hậu quả của một quá khứ khá dài tương tàn, làm mất mát bao nhiêu thế hệ. Cũng là hậu quả của hai cách nhìn cũ phát sinh từ những điều kiện và hoàn cảnh lịch sử thế giới cùng dân tộc mang quá nhiều mâu thuẫn đối kháng: phong kiến lạc hậu, thực dân xâm chiếm, đấu tranh giai cấp, chiến tranh lạnh. Bị lôi vào cơn lốc của những mâu thuẫn đó, dân tộc Việt bị phân hóa về tâm lý, tình cảm và tư tưởng trong thế Quốc-Cộng, nhị nguyên, Ta-Dịch. Ta là ai? Ai là Dịch? Ai cũng là Ta, ai cũng có thể là Dịch. Quá khứ và hiện tại đều nhiễu nhương, hận thù chông chát, khống chế nặng nề tâm tư con người khiến không thể phát triển được. Thời gian Việt Nam như ngừng lại!

Để dân tộc không phải tiếp tục trả giá quá đắt cho tình thế đó, cần phải có một nhận thức mới, nhằm phá vỡ bức tường hận thù ngăn chia người Việt và tạo điều kiện xây dựng lại cơ đồ. Một công việc lâu dài, cam go, nhiều khó nhọc.

## I. Vấn đề hệ thống mở và hệ thống kín

Cho đến cách đây vài năm, hầu như mọi người đều nghĩ là hệ thống các nước chuyên chính vô sản sẽ không bao giờ tan rã và không biết bao giờ mới hết chiến tranh lạnh. Người ta đã xây dựng nên cả một chủ nghĩa chống cộng làm thành tri ngăn chặn sự bành trướng của các mô hình ấy, vì cho rằng các chế độ đó là những hệ thống tổ chức cơ cấu vô cùng chặt chẽ không thể sụp đổ, khóa kín xã hội, bóp nghẹt nhân phẩm, ức chế tâm tư. Nên không thể thấy rằng mọi hệ thống khép kín đều phản cuộc sống, phi nhân bản, ngược lịch sử, tức không thể tồn tại với thời gian!

Do tham vọng quá đáng, muốn "làm chủ thiên nhiên", "làm chủ xã hội", "nắm quy luật khách quan", tự cho đã đạt đến "đỉnh cao trí tuệ", những người cộng sản giáo điều đã dùng ý chí xác lập một tổ chức quyền lực chặt cứng, độc từ trên xuống, bao gọn hết cuộc sống xã hội, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, khoa học. Rồi tự nguy hiểm đấy là tập trung dân chủ, tự đánh lừa là chủ nghĩa xã hội khoa học, buộc người dân phần đầu quên mình cho một ngày mai tươi sáng reo ca. Ngày mai không bao giờ đến, mãi mãi là một hiện tại nhọc nhằn. Cuộc sống bị khép kín, thì thời gian ngừng lại.

Nhưng cuộc sống xã hội là một chuỗi những hệ thống phức hợp, giao lưu không nghỉ. Muốn hay không muốn, cuộc sống là như thế, vì nếu không, thì không còn là cuộc sống nữa.

Bị khống chế bởi bộ máy quyền lực Đảng trị, độc tôn,

độc tài, độc quyền, xã hội dân sự không phát triển thành xã hội công dân. Ý thức nghĩa vụ không có, chỉ kiếm quyền lợi là chính. Diễn văn cứ ra rả kêu gọi "đạo đức cách mạng", "minh vì mọi người", "mọi người vì mình", nhưng thực tế thì mạnh ai nấy xoay, xã hội băng hoại, giả trá, không còn một đạo lý nào cả. Cuộc sống con người bị giáng xuống ở mức thấp nhất: bản năng sinh tồn. Trong điều kiện đó, sự tha hóa của quyền lực lên đến cao độ và con người dễ trở thành độc ác, tàn nhẫn, ngu muội, ích kỷ. Văn hóa, tư tưởng, khoa học không phát triển, lòng người phân hóa bất an, thì kinh tế không phát triển, chế độ suy yếu, lại co cụm, cố thủ, đàn áp, bắt bớ, khủng bố. Không còn cách nào khác hơn cho người dân là thụ động. Sự phản kháng thụ động chính là một đối trọng vô cùng to lớn của toàn xã hội với quyền lực độc tôn, kết quả là sự tẻ liệt của cuộc sống. Để cứu vớt chế độ, các chính quyền chuyên chế ấy đều có một phản ứng như nhau: mở kinh tế, nhưng vẫn nắm chính trị, tư tưởng. Một hệ kín bắt buộc phải mở ra thì sẽ phân rã, người dân nhân dấy lại mạnh dạn tranh đấu phê phán, các lực lượng đối trọng, đối lập từ trong xã hội lại mạnh lên, tổ chức lại được. Đảng cầm quyền lại phản ứng bằng hoang tưởng, chúng tỏ một sự bé tắc hoàn toàn về tư tưởng. Đó là vòng xoáy suy sụp của mọi hệ thống cơ cấu đóng kín, sự sụp đổ dây chuyền của các nước Đông Âu là một chứng minh của hệ quả đó.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đang đi theo vết xe của các nước Đông Âu, và lại không thể có một chuyển biến nào khác: mọi hệ thống tổ chức cơ cấu quyền lực độc tôn, độc tài khép kín đều phản lại cuộc sống, tất sẽ tiêu vong, đặc biệt nhanh chóng trong thời đại ngày nay.

Đây là nhận thức đầu tiên.

## II. Thế nhị nguyên - thế quốc-cộng. Thế đa nguyên - thế đối trọng

1-Thời buổi thực dân đi chiếm thuộc địa, bành trướng ảnh hưởng, dân Việt đã phải đứng lên giữ Tổ Quốc mà vẫn mất, nên phải tiếp tục kháng chiến để giành lại Độc Lập như bao nhiêu dân tộc mất nước khác trên thế giới. Với những thất bại xương máu của bao lần nổi dậy, rồi trong sự tìm kiếm lối ra, người Việt đã quơ phải một vũ khí đang làm đảo điên thế giới: chủ nghĩa cộng sản giáo điều. Đó là sai lầm, tội lỗi, hay oái oăm của lịch sử? Cần phải thấy cho thấu đáo cục diện thế giới lúc bấy giờ để trả lời.

Cuộc chiến tranh giải phóng giữa Ta (Dân Tộc) và Địch (Thực Dân) được lồng vào và biến dần thành cuộc chiến tranh giai cấp giữa Ta (Vô Sản) và Địch (Tư Sản). Chiến tuyến thay đổi mà lại vẫn nhập nhằng, bởi vì nếu

là Dân Tộc - Thực Dân thì Ta-Địch rất rõ, còn nếu là Vô Sản - Tư Sản thì lại là nội chiến rồi. Cuộc chiến tranh giải phóng đồng thời là nội chiến! Đây là nghịch lý của Dân Tộc. Hận thù thực dân thành hận thù giai cấp. Thế Quốc-Cộng phát sinh từ sự nhập nhằng chiến tuyến, nên những lựa chọn của nhiều tầng lớp nhân dân đứng ở phe này hay phe kia cũng không hoàn toàn minh bạch: người chọn cộng sản thì lấy giải phóng làm ngọn cờ chính nghĩa, người chọn quốc gia lại phát cờ chống cộng. Đó là sai lầm, tội lỗi, hay oái oăm của lịch sử?

Nghịch lý đó đã làm hao tổn quá nhiều xương máu của dân tộc, và hậu quả là nghèo đói, khổ đau mà vẫn hân thù. Từ một ngộ nhận lịch sử, thế quốc-cộng vẫn đang còn khống chế dân ta, nuôi dưỡng cách nghĩ, cách nhìn nhị nguyên Ta-Địch, Ta-Nó, nuôi dưỡng lòng hận thù, duy trì lô-gích xung đột, bạo động, chiến tranh, không giải quyết gì cho đất nước, chỉ gây thêm tương tàn.

Đây là nhận thức thứ hai.

2-Với sự chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh, với trào lưu dân chủ ngày càng thắng thế, Đa Nguyên đang trở thành một thế mới, phù hợp với cuộc sống vì là thể hiện của đa dạng, đúng với đạo lý nhân bản: nhân phẩm, nhân quyền, bình đẳng, tự trọng, tôn trọng lẫn nhau, để ai cũng có một chỗ đứng trong xã hội. Về tư tưởng, thế đa nguyên vượt lên trên thế nhị nguyên, là một siêu thế mang tính đối trọng với thực tế quốc-cộng. Đấu tranh cho Dân Chủ Đa Nguyên là để xác lập thế đối trọng, nhằm phá vỡ dần thế hận thù do lịch sử để lại, là mang cái mới thực sự về với dân tộc, để dân Việt tồn tại khi chế độ chuyên chính sụp đổ. Đó cũng chỉ là một tất yếu của cuộc sống.

Dùng chữ Thế Đa Nguyên để chỉ rằng đây không phải là một vị trí để ai đó lên ngồi chễm chệ như vẫn thường thấy trong thế nhị nguyên (được làm vua, thua làm giặc). Nếu Ta-Địch là nhận thức nhị nguyên, thì nhận thức Đa Nguyên là Ta và Người, cùng nhau chia sẻ trách nhiệm gánh vác xã hội, dù ở vị trí cầm quyền, đối lập hay đối trọng.

Đây là nhận thức thứ ba.

## III. Về đối trọng

Sự ra đời của khoa học trong xã hội loài người, từ khoa học tự nhiên đến khoa học xã hội, nhân văn, đã tạo ra thế đối trọng dẫn tư tưởng thần quyền thiên mệnh đến tư tưởng dân quyền và nhân quyền rồi đến chế độ dân chủ. Con đường khoa học vẫn còn rộng và dài thênh thang, tức tư tưởng dân chủ sẽ còn được nuôi dưỡng và phát triển.

Cuộc cách mạng dân chủ 1789 phá bỏ chế độ phong

kiến lạc hậu nhiều đặc quyền đặc lợi nào có phải là một ngẫu nhiên của lịch sử, mà là kết quả của bao đời tư tưởng tìm kiếm sự giải phóng con người khỏi sự tha hóa bởi các thứ cơ chế quyền lực thống trị bóp nghẹt nhân phẩm. Trong cái đã đó, cách mạng vô sản chỉ là một lệch lạc méo mó, rơi trở lại thứ trật tự nhất nguyên - độc quyền, phải dừng lại ở một ngõ cùng bế tắc và tiêu vong. Đây, lịch sử có nhiều sai lầm oái oăm gây ra bao tội lỗi, tuy nhiên cần phải biết rút ra những bài học để không rơi vào vết xe cũ.

1-Khuynh hướng nhất nguyên là một cái bệnh của tư tưởng: quan niệm thần quyền là một thứ nhất nguyên, ngay trong khoa học có thời cũng có ngành tự cho mình là thống soái, hoặc khoa học là hơn hẳn mọi tư duy, v.v... Từ những tranh luận và khám phá khoa học ngày càng đi vào biến đổi cuộc sống loài người thêm đa dạng, phức hợp, bệnh nhất nguyên nhường dần cho cách tiếp cận đa nguyên. Bởi vì một người, một nhóm người, thậm chí một cộng đồng cũng không thể hiểu và lý giải đầy đủ cuộc sống, mà phải cần nhiều sự giao lưu trao đổi về văn hóa, tư tưởng, chính trị, nghệ thuật, khoa học.

2-Căn bệnh thứ hai của con người là quyền lực, tham vọng quyền lực và lạm dụng quyền lực. Không có đối trọng, quyền lực tha hóa con người đến cực độ. Thời phong kiến là lúc hai căn bệnh hợp nhau cùng khống chế xã hội, dù kéo dài mấy nghìn năm rồi cũng sụp đổ. Thời chuyên chính vô sản, hai căn bệnh ấy lại hợp nhau phát huy tác hại, nhưng thời nay, với khoa học, tri thức, đa nguyên, thế đối trọng sẽ buộc thế độc quyền lùi bước nhanh chóng.

Bài học rút ra là phải dứt khoát cảnh giác hai thứ bệnh nhất nguyên và độc quyền. Và thuốc ngừa dân chủ chỉ có thể là đa nguyên và đối trọng.

3-Trong các chế độ dân chủ (tôi không gọi là chế độ tư bản vì không chính xác), thế đối trọng là thế của nhiều cán cân.

Tam quyền phân lập là thế của ba cán cân đối trọng ngăn ngừa sự lạm quyền của mỗi bộ phận quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Lồng vào bộ máy Nhà Nước quản lý xã hội đó, lại còn thế đối trọng của nhiều đảng phái (kể cả cán cân cầm quyền/đối lập). Tất nhiên có nguy cơ các thế lực cục bộ, dù là đảng phái, kinh tế, quân sự hay tôn giáo, lũng đoạn và khuynh loát bộ máy Nhà Nước. Còn bộ máy này vẫn có khuynh hướng quan liêu hóa như tất cả các guồng máy quyền lực nào. Nhưng quá trình xác lập chế độ dân chủ đã tạo nên một siêu thế đối trọng: xã hội dân sự thông qua một quá trình dân chủ hóa trở thành xã hội công dân, gồm những con người ý thức dần quyền làm dân và quyền làm người của

minh, sử dụng những quyền tự do dân chủ đấu tranh cho công lý và công bằng xã hội. Báo chí, công luận, các nghiệp đoàn, các tổ chức xã hội, các hội bảo vệ nhân quyền, nhân phẩm, v.v... đều là những lực lượng đối trọng với mọi sự lạm quyền của Nhà Nước, vốn đã được tổ chức theo nguyên tắc pháp trị - đa nguyên - đối trọng. Một người công dân bình thường có quyền kiện cả Nhà Nước.

Rõ ràng, đa nguyên, đa dạng, đối trọng và phức hợp là những thuộc tính cơ bản của chế độ dân chủ, phù hợp với cuộc sống. Nhìn kỹ, chúng ta có thể thấy ở đâu cũng hình thành đối trọng cả, đến quan hệ nam nữ bình đẳng cũng là thế đối trọng với nam quyền, phụ quyền, gia trưởng độc đoán. Sở dĩ có được như vậy, là do ý thức dân quyền, nhân quyền đã làm sáng tỏ vấn đề nhân phẩm, và mỗi cá nhân phát triển theo kịp đã nhận thức ấy sẽ khẳng định tính chủ thể độc lập có ý thức về quyền lợi và nghĩa vụ của mình, cùng những quan hệ bình đẳng khoan dung trong lòng cộng đồng xã hội.

Tất nhiên, các chế độ dân chủ trên thế giới nào đã hoàn thiện, nhưng với hệ thống tổ chức cơ cấu đa nguyên, đa dạng, phức hợp và đối trọng, mở ra với mọi giao lưu, người ta có điều kiện để phát triển ngày càng tốt hơn.

4-Chế độ chuyên chính vô sản tất nhiên không thể chấp nhận đa nguyên và đối trọng, vì như thế là tự khai tử tức khắc. Nhưng đây cũng chỉ là duy ý chí cố cưỡng lại xu thế tất yếu. Các tiếng nói đòi đa nguyên, đối trọng từ trong lòng chế độ thực tế là dấu hiệu báo tử, trào lưu văn hóa văn nghệ phê phán (có người gọi là phản kháng) đang mở ra thế đối trọng về mặt tư tưởng với Đảng cầm quyền. Thay vì khuyến khích và ủng hộ các văn nghệ sĩ, trí thức ấy, lại cho rằng họ là đối lập cuối thể hiện một nhân quan rất đặc biệt (cách nói của Phạm Trọng Luật), hoặc một sự chậm tiến đáng thất vọng (cách nói của Nguyễn Gia Kiểng), hay một tâm lý sợ mất độc quyền "quốc gia".

#### IV. Kết luận

Thế đối trọng hình thành sẽ mở ra thế đa nguyên, áp đảo thế nhị nguyên, hận thù, không khí hòa giải hòa hợp, khoan dung đại lượng thổi vào, thì nguy cơ bạo động, đổ máu giảm đi. Sự sụp đổ của chế độ chuyên chính sẽ diễn ra trong hòa bình, ít đổ vỡ nhất. Dân tộc tìm thấy lại phần khởi mà ra sức xây dựng lại Tổ Quốc rách bươm. Đó là những hệ luận không tách rời được, và đó cũng là thách thức cho người Việt chúng ta tìm lại nhau cho một vận hội mới đưa đất nước thân yêu vào thời đại tự do, phát triển, phú cường và hạnh phúc.

*Đỗ Đình Thành*

# Những yêu cầu để xây dựng Tự Do, Dân Chủ và Đa Nguyên

Nguyễn Chính Phương

Nguyễn Chính Phương, 46 tuổi, là một chuyên viên kinh tế tài chính tốt nghiệp tại Pháp và hiện đang làm việc tại Bắc Mỹ. Nguyễn Chính Phương đã phục vụ dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa từ 1971 đến 1975 trong ngành kinh tế. Ông đóng góp bài tham luận này như một cái nhìn khác về hai phe cộng sản và chống cộng.

## Lập trường của người Việt chống cộng và của đảng cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng Sản Việt Nam và người Việt chống cộng có hai điểm giống nhau.

Thứ nhất, lập trường của họ trước đây và bây giờ hoàn toàn dựa trên mâu thuẫn quốc gia - cộng sản.

Một mặt, giới lãnh đạo CSVN, từ 1975, đã thi hành chính sách lý lịch để đẩy đọa một nửa dân Việt bị coi như thành phần "có nợ máu" với nhân dân. Thực chất của chính sách ấy thuần túy là ân oán. Nó tiêu biểu cho khẩu hiệu "thừa thắng xông lên", "được làm vua, thua làm giặc" của giới lãnh đạo CSVN. Chủ đích hiển nhiên là hãm hại hàng triệu người Việt, không những chính họ mà cả con cháu họ. Những khẩu hiệu hoa mỹ như "lương tâm của nhân loại", "trí tuệ và trái tim" mà giới lãnh đạo CSVN thường dùng chỉ là một lớp sơn bên ngoài. Sau 1975, tình thế đất nước thuận lợi về mọi mặt, nhưng thay vì thực hiện tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc mà họ đã cam kết để vận động cả nước xây dựng hạnh phúc và ấm no cho toàn dân thì giới lãnh đạo CSVN lại làm xã hội Việt Nam phân hóa trầm trọng. Họ vẫn tiếp tục lô-gích "ta địch", "ai thắng ai" trong khi vấn đề then chốt là hàn gắn những tàn phá do cuộc chiến để lại và yêu cầu cấp bách của toàn dân là tháo gỡ mọi hận thù để bắt tay nhau đưa đất nước đi lên.

Mặt khác người chống cộng, sau thảm bại năm 1975, lại chỉ biết quay về với lập trường chống cộng cổ xưa. Với tâm lý bị thua và bị bỏ rơi, hình như họ nghĩ rằng mình đã mất hết, chỉ còn lại lập trường chống cộng. Thái độ của người chống cộng tỏ rõ họ chưa tỉnh ngộ. Họ vẫn chưa hiểu rằng chủ trương "chống cộng để có tự do và dân chủ" đã thất bại,

và ngày nay phải thay thế nó bằng khẩu hiệu "xây dựng tự do dân chủ để đánh bại cộng sản".

Các chế độ cộng sản Đông Âu bị sụp đổ, chính thể cộng sản Liên Xô phải đổi mới là vì nhân dân các quốc gia ấy đòi công khai hóa và dân chủ hóa chế độ, đòi có đối thoại, tranh luận và phê phán tự do, đòi quyền có tư tưởng trái ngược. Hiển nhiên không phải do khai thác mâu thuẫn tư bản - cộng sản hoặc bày tỏ lập trường tiêu cực chống cộng, diệt cộng nào đó mà những thay đổi đã xảy ra trong khối cộng sản.

Thứ hai, chủ trương của họ không nhằm giải đáp các yêu cầu hiện nay và ước mong về tương lai của dân tộc.

Dân tộc Việt Nam đòi hỏi có Tự Do, Dân Chủ, ước mong có hạnh phúc, cơm no áo ấm và chờ đợi ngày mai tươi sáng và tốt đẹp hơn. Thế nhưng người chống cộng lại vẫn bám vào quá khứ để đưa ra chủ trương thiếu thực tế. Còn đảng CSVN thì lợi dụng những thành quả đấu tranh đã qua để che đậy tình trạng bế tắc toàn diện hiện nay.

Người chống cộng thường dẫn chứng những kinh nghiệm chiến đấu máu lửa chống cộng sản "xâm lược". Họ kết án cộng sản nhiều điều, nào "xảo quyệt, tàn bạo, gian dối", nào "phản bội nhân dân, cướp đoạt cách mạng...". Họ quan niệm rằng những sự kiện đã qua đủ chứng minh rằng phải dẹp bỏ chế độ cộng sản trước đã rồi mới có thể nói tới Tự Do, Dân Chủ và Đa Nguyên. Họ "chống trước đòi sau": chống ý thức hệ cộng sản, chống sự thống trị của cộng sản, chống lá cờ đỏ sao vàng, chống "đổi mới", chống "hòa giải hòa hợp dân tộc", chống việc Hoa Kỳ nói chuyện với chính quyền Hà Nội, chống việc các nước tư bản giao thương với CSVN,... Thứ đến, họ mới đòi tự do, dân chủ nhưng vẫn



không chấp nhận đảng cộng sản. Tóm lại, người chống cộng có thái độ "chống" hăng và mạnh. Họ "đòi" là để cho đủ lệ bộ mà thôi, "chống cộng" mới là mục đích và sứ mạng chính trị của họ.

Còn giới lãnh đạo CSVN thì chỉ lo bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lê Nin mặc dù chủ nghĩa này đang bị bục rách từ phía và trong khi toàn thể dân tộc Việt Nam đang khốn khổ vì cuộc sống hàng ngày hết sức khắc nghiệt. Đất nước áp ủ hoài bão ngày mai tươi sáng hơn thì giới lãnh đạo CSVN lại chỉ đặt trọng tâm vào một việc chẳng ích lợi gì cho ai là biến sự lãnh đạo của đảng cộng sản thành "một tất yếu lịch sử khách quan". Người dân muốn có đối thoại và thảo luận nghiêm chỉnh thì giới lãnh đạo CSVN lại mạ ly những người đối lập là phản động, tay sai đế quốc.

Người chống cộng "tới chiều" cũng như giới lãnh đạo cộng sản thực ra rất giống nhau: họ đều đặt sự đam mê và ý chí chủ quan của mình lên trên hết, quyền lợi dân tộc chỉ được viện dẫn một cách mơ hồ để biện minh cho lập trường của họ. Cả hai bên đều không những không tỏ ra đau xót vì sự phân hóa của dân tộc mà còn khuếch đại sự phân hóa đó.

### Chính sách của đảng CSVN bị bế tắc

Từ hơn 15 năm nay, Việt Nam đã được thống nhất và lại có hòa bình, độc lập ít nhiều. Về địa hạt kinh tế và của cải vật chất, bình thường thì đất nước ta ít ra cũng không phải nghèo mạt và thiếu thốn mọi bề. Tuy nhiên, thực tế lại khác hẳn. Đất nước suy đồi về mọi mặt: chính trị bế tắc và cô lập, kinh tế, xã hội sụp đổ hoàn toàn.

Câu hỏi đặt ra là vì đâu nên nỗi này? Chúng ta có thể cắt nghĩa dựa trên nhiều nguyên do khách quan, do điều kiện bên ngoài, và chủ quan, tức là do bản chất của chế độ.

Hiển nhiên nguyên do nội tại phải là nguyên do đầu tiên, sâu xa nhất và quan trọng nhất. Sau 1975, đất nước ta đã hội được cả thời cơ thuận lợi (hòa bình) lẫn lãnh thổ trọn vẹn (thống nhất), chỉ còn thiếu yếu tố nhân hòa. Chính sách của giới lãnh đạo CSVN vì không có nhân hòa nên đã bế tắc. Trong quá trình tranh đấu giành chính quyền, đảng CSVN đã biết vận dụng rất hữu hiệu yếu tố nhân hòa bằng cách giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc và che dấu các mục tiêu của chuyên chế và quốc tế vô sản. Điều này đã giúp đảng CSVN thành công. Bước sang thời bình, việc vận động toàn dân hy sinh mồ hôi, nước mắt và xương máu để xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công tác khác hẳn, không có khả năng động viên quần chúng. Giới lãnh đạo CSVN đã không nắm được yếu tố nhân hòa nên đã thất bại.

### Yêu cầu Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc

Mục đích thiết thân của dân tộc Việt Nam là Thống Nhất, Độc Lập, Hòa Bình, Tự Do, Dân Chủ, Hạnh Phúc và Ấm

No.

Đất nước ta đã phần nào thực hiện được ba mục đích đầu. Trên một khía cạnh nào đó, đảng cộng sản đã có thể tự cho là mình đã mang lại độc lập, thống nhất và hòa bình. Nhưng hòa bình mà họ mang lại còn tàn khốc hơn cả chiến tranh. Còn những mục tiêu sau thì hoàn toàn chưa đạt được. Cụ thể là dân tộc Việt Nam phải chịu đựng một thể chế khép kín và áp bức, một chế độ độc quyền và giáo điều, một cuộc sống bần cùng. Nhân hòa là yếu tố quyết định việc thực hiện Tự Do, Dân Chủ, Hạnh Phúc và Ấm No cho toàn dân, là điều kiện không có không được để vận dụng mọi khả năng sáng tạo, mọi hiểu biết kỹ thuật và mọi phương tiện vật chất nhằm tái thiết đất nước và cải thiện sinh hoạt của người dân. Nhân hòa chỉ có nếu có hòa giải và hòa hợp dân tộc.

### Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc là gì?

Mâu thuẫn quốc cộng xuất phát từ mâu thuẫn tư bản - cộng sản. Thời đại ngày nay cho thấy mâu thuẫn tư bản - cộng sản đã tan biến, cụ thể là quan hệ mới giữa Hoa Kỳ và Liên Xô, Tây Âu và Đông Âu, việc thống nhất nước Đức, sự thiết lập quan hệ bình thường giữa các quốc gia trước đây đối nghịch nhau vì sự tranh chấp tư bản - cộng sản. Như thế mâu thuẫn quốc cộng hiển nhiên không còn lý do tồn tại.

Muốn tạo được nhân hòa, bắt buộc phải có hòa giải và hòa hợp dân tộc. Vậy hòa giải và hòa hợp dân tộc là gì?

Trước hết, hòa giải và hòa hợp dân tộc không phải giản dị là xí xóa tất cả, hòa cả làng, trăm sự bỏ qua, chín bỏ làm mười. Hòa giải không có nghĩa là đồng lõa.

Xã hội Việt Nam, cũng như bất cứ xã hội nào khác, đều có tính đa dạng, đa nguyên. Dân tộc Việt Nam lại mang nhiều vết tích tranh chấp bạo lực và xung khắc tư tưởng. Vậy để hòa giải và hòa hợp dân tộc, cần phải có những quy tắc hợp tình hợp lý như sau:

- sự khác biệt về tư tưởng và lập trường giữa người Việt với nhau là một sự kiện tất yếu. Triệt tiêu sự khác biệt này là một việc làm nghịch lý. Phải để các tổ chức và đảng phái đối chiếu tự do các quan điểm khác biệt, tranh luận ngay thẳng và công khai để chấp nhận lẫn nhau và đi đến đồng thuận dân tộc.

- những khác biệt trong lòng dân tộc Việt Nam rất sâu sắc và sẽ còn sâu sắc. Đó là một thực tế không thể chối bỏ được. Tuy nhiên người Việt phải chấp nhận nhau vì tương lai chung.

### Thực hiện Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc

Trong hiện tình đất nước, câu hỏi đầu tiên là làm sao thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, làm thế nào để đảm bảo hòa giải và hòa hợp dân tộc?

Vì đảng CSVN nắm giữ toàn bộ chính quyền nên đảng CSVN có nhiệm vụ làm bước đầu. Bước đầu này không thể sơ sài là "phong cách đổi mới tư duy" mà phải gồm những điều kiện căn bản sau đây:

1-Xác định công khai và dứt khoát ý chí sống chung bình đẳng và hòa hoãn giữa tất cả các tầng lớp nhân dân, cụ thể là phải tôn trọng những người có chính kiến khác biệt hoặc đối chọi với đảng cộng sản, những cá nhân ở trong hoặc ngoài đảng muốn nói thẳng, nói thật, nói hết.

2-Loại bỏ khỏi hiến pháp mọi qui chiếu trực tiếp hay gián tiếp về bất cứ một chủ nghĩa hay một tổ chức chính trị nào, và thêm vào đó các điều khoản long trọng nhìn nhận các quyền tự do căn bản, đặc biệt là quyền đối lập.

3-Trả tự do, phục hồi danh dự và bồi thường thiệt hại cho những tù nhân chính trị, những người bị giam giữ vì lập trường, vì đấu tranh đòi nhân quyền và dân quyền.

4-Chấp nhận và cam kết thiết lập trên một thời hạn vừa phải một cơ cấu chính trị thực sự đại diện cho toàn dân để tổ chức tuyển cử tự do, đặt cơ sở cho một chế độ tự do, dân chủ và đa nguyên thực sự.

Còn đối với người chống cộng thì họ phải hành động ra sao để thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc? Để có thể giữ vai trò tích cực, họ phải:

1-Vứt bỏ quan niệm độc quyền lẽ phải, cho rằng phong trào, tổ chức nào mà không có mục đích chống cộng là tiếp tay với cộng sản hoặc làm suy yếu "phe quốc gia". Thực tế, họ phải chấm dứt đả phá hòa giải và hòa hợp dân tộc, xuyên tạc và chụp mũ những phong trào đối lập ôn hòa. Những cá nhân và tổ chức đã ủng hộ chính quyền Hà Nội trước năm 1975 nhưng nay lên tiếng đòi tự do, dân chủ đều phải được kính trọng và xem như bạn đồng hành trong cuộc tranh đấu chung.

2-Chấm dứt lập trường chống cộng vì sợ hãi và thiếu tự tin để chuyển sang thái độ không sợ hãi và đối đầu với chế độ cộng sản. Phải từ bỏ quan niệm vớ vẩn và què quặt, một mặt hô hào dân chủ đa nguyên nhưng mặt khác lại đặt điều kiện tiên quyết là loại bỏ đảng cộng sản.

3-Lấy mục đích đấu tranh cho Tự Do, Dân Chủ, Hạnh Phúc và Ám No dân tộc làm cứu cánh. Người Việt chống cộng phải từ bỏ quan niệm sai lầm cho rằng phải "tiêu diệt cộng sản để có Tự Do, Dân Chủ". Thay vào đó, họ phải chọn lựa "con đường đấu tranh cho Tự Do, Dân Chủ để thắng cộng sản".

### Xây dựng Tự Do, Dân Chủ và Đa Nguyên

Chúng ta phải nhận thức rõ rệt rằng:

- dân tộc Việt Nam phải có hòa hợp thì mới có thể tiến lên.

- để có hòa hợp dân tộc thì phải thực hiện hòa giải dân tộc trên cơ sở Tự Do, Dân Chủ và Đa Nguyên.

- mục đích đấu tranh duy nhất của mọi người Việt là tự do, dân chủ và giàu mạnh chứ không phải là để xây dựng hay chống đối một ý thức hệ nào.

Đối với tuyệt đại đa số dân tộc Việt Nam, hòa giải và hòa hợp dân tộc cũng như xây dựng Tự Do, Dân Chủ và Đa Nguyên là tất yếu. Từ 1985, tình hình chính trị tại Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu biến đổi rất thuận lợi cho dân tộc Việt Nam. Ở trong nước, nhân dân ta cũng đã tựa mình để hòa nhập vào trào lưu của thời đại để đòi đổi mới đích thực và sâu rộng. Họ muốn thảo luận và đối chiếu các quan điểm trái ngược một cách công khai. Họ cũng muốn nói thẳng, nói thật, nói hết. Họ đòi công bằng và lẽ phải. Họ mong chờ có hạnh phúc và cơm no áo ấm. Tiêu biểu nhất cho tâm lý ấy là những lời phát biểu của Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Thu Bồn, Bùi Minh Quốc, Bửu Tiến,... tiếng nói của linh mục Chân Tín, của Nguyễn Ngọc Lan, của những nhân vật như Trần Xuân Bách, Nguyễn Hộ,... là lời kêu gọi gửi tới các lực lượng đấu tranh cho tự do, dân chủ và đa nguyên của bác sĩ Nguyễn Đan Quế... Tất cả những tiếng nói này đều gác sang một bên mâu thuẫn quốc cộng, bác bỏ lô-gích "ta địch". Mọi người chỉ nhìn thẳng vào cuộc sống của dân tộc, đối chiếu cuộc đời khốn đốn về vật chất, ô nhiễm về đạo đức với những gì mà vốn trí tuệ và tài năng của dân tộc ta có thể đem lại.

Người chống cộng "tới chiều" vẫn thường khoe khoang là chỉ có lập trường của họ mới là lập trường dân tộc. Giới lãnh đạo CSVN thì luôn luôn rêu rao chính sách của họ lấy toàn dân làm gốc. Vậy đâu là sự thật? Người chống cộng cực đoan làm sao đấu tranh vì dân tộc được khi họ chỉ chống không thôi. Người cộng sản làm sao lấy toàn dân làm gốc được khi họ áp đặt chính sách "ta địch" khiến dân tộc bị phân hóa nghiêm trọng? Cả lập trường của người chống cộng cực đoan lẫn chính sách của đảng CSVN đều thiếu yếu tố nhân hòa nên tất nhiên phải thất bại. Tình thế đất nước từ 1975 tới nay minh chứng rằng lập trường của người Việt chống cộng không tiến được một bước nào mặc dù chính sách của đảng CSVN đã hoàn toàn phá sản. Người chống cộng cực đoan đã không đạt được thành quả nào khả dĩ đóng góp cụ thể vào việc đem lại Tự Do, Dân Chủ và Đa Nguyên cho dân tộc, còn chính sách của đảng CSVN thì đã chỉ đưa cả nước xuống vực thẳm.

Ngày trước, ngoại xâm và thực dân là mối đe dọa làm tiêu diệt một dân tộc. Ngày nay, sự thiên cận, bất dung và óc độc quyền lẽ phải cũng nguy hiểm không kém.

### Xây dựng Tự Do

Trước đây đảng CSVN thường nói rằng "không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do". Nhưng kể từ 1975, câu nói xác đáng phải là "không có gì quý bằng Tự Do, Dân Chủ".

Từ hơn 200 năm nay, tự do đã được thừa nhận là quyền



đầu tiên, tối thượng và cơ bản nhất của con người. Không một thế lực nào có quyền giới hạn, xâm chiếm hoặc tịch thu tự do của con người. Bởi vậy, xây dựng tự do ở Việt Nam giữ một nội dung thông thuộc là tự do tư tưởng, tự do kinh doanh, tự do đi lại, tự do phát biểu, tự do hội họp và kết hợp. Đó là những tự do sơ đẳng cho sự sống còn của đất nước. Các tự do đó tất yếu và cần thiết tựa như trời, đất, sinh khí và không trung. Một trong những khám phá quan trọng nhất của thời kỳ cận đại là tự do không những không phải là trở ngại cho trật tự và tiến bộ mà trái lại còn là động cơ đẩy xã hội tiến tới và là một đảm bảo cho sự ổn vững.

### Xây dựng Dân Chủ

Đất nước ta hiện nay không có dân chủ, dù là dân chủ trực tiếp hay dân chủ đại diện. Khẩu hiệu hoa mỹ "đảng là đây tờ trung thành của nhân dân" đã biến thành hiện thực đau xót "đảng là chủ nhân khắc nghiệt của toàn dân". Tệ hại hơn nữa là đảng CSVN làm mưa làm gió khiến dân tộc ta phải nằm rạp xuống đất. Người dân, dù ở trong hoặc ngoài đảng, sợ đủ điều: sợ nói, sợ làm, sợ mất hộ khẩu, sợ mất chức quyền, sợ thân nhân bị hãm hại, sợ một cái gì đó lơ lửng trên đầu. Sống trong lo sợ như vậy thì hiển nhiên người dân không thể làm chủ cá thể được huống chi làm chủ tập thể? Kết quả là người dân không biết, không bàn, không kiểm tra, không quyết định, không đối thoại, không tranh luận, không phản đối, không phê phán nhưng cũng không đóng góp gì hết. Những quan điểm như "dân chủ có lãnh đạo", "dân chủ tập trung" thực chất rất phản dân chủ. Mặc dù đảng CSVN khẳng định "dân làm chủ đất nước" nhưng trên thực tế người dân đã không làm chủ được ngay chính đời mình.

Bước đầu tiên để xây dựng Dân Chủ là thi hành quyền làm chủ thể xác lẫn tinh thần của bản thân con người. Quyền làm chủ đời mình là nguyên lý tự nhiên và phổ biến. Không một đảng nào, chính quyền hay thế lực nào cưỡng lại được.

Thứ đến là thi hành nguyên tắc "toàn dân là gốc". Cụ thể là quyền lực phải từ dân mà thành và quyền lực của bất cứ đảng phái nào lãnh đạo nhà nước cũng phải do dân trực tiếp và tự do chọn lựa và bầu lên. Không một lực lượng chính trị nào có quyền coi mình là mặc nhiên có vai trò lãnh đạo. Dân chủ, nhất là trong những bước đầu có thể có những sai lầm, nhưng ngay cả một nền dân chủ vụng về cũng không tai hại như một chế độ độc tài.

### Xây dựng Đa Nguyên

Đảng CSVN đã chế ra một lý luận nguy biến như sau: "đất nước là của nhân dân, là của giai cấp vô sản, đảng cộng sản là giai cấp vô sản, vậy đảng cộng sản là đất nước". Đoạn kết của cái lý luận lỗ bịch này ngụ ý nói: đảng cộng

sản là đất nước vậy đất nước thuộc đảng cộng sản. Điều này thể hiện rõ rệt qua những lời tuyên bố động trời như "sự lãnh đạo của đảng cộng sản là một tất yếu lịch sử khách quan", "trong điều kiện Việt Nam hiện nay cũng như trong tương lai, không có sự cần thiết khách quan nào để tạo dựng nên các đảng phái chính trị đối lập". (Diễn văn của Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư đảng CSVN, đọc ngày 2-2-1990 nhân kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập đảng). Quan điểm quái gở đó chỉ chứng tỏ đảng CSVN đang mắc bệnh tâm thần trầm trọng.

Tính chất đa dạng đa nguyên của mọi xã hội, mọi dân tộc là một thực tế khách quan không thể phủ nhận được. Yêu cầu của các tầng lớp nhân dân không giống nhau. Thứ tự ưu tiên trước hay sau, chính hay phụ của các yêu cầu ấy cũng thay đổi tùy nhóm, tùy người. Người dân cũng quan niệm khác nhau về phương thức và phương tiện để thực hiện các yêu cầu của họ. Có người muốn một nền kinh tế hoàn toàn tự do, có người muốn một nền kinh tế định hướng, có người đòi mở rộng dân chủ trực tiếp, nhưng người khác lại quan niệm thi hành dân chủ đại diện là đủ. Có người đòi trung cầu dân ý và cũng có người cho rằng để cho cơ quan lập pháp quyết định thì hợp lý hơn. Có người muốn có dân chủ tức khắc, có người cho rằng cần phải bước đi những bước thật thận trọng. Có người coi phát triển kinh tế là tất cả nhưng cũng có người nghĩ rằng một sự phát triển kinh tế chậm chạp nhưng chắc chắn trong một xã hội công bằng và hòa hợp là chọn lựa hay nhất. Chúng ta cũng có thể có những quan điểm rất khác nhau về những biến cố lịch sử. Chúng ta cũng có thể nghĩ trái ngược nhau về những ưu tiên trong quan hệ đối ngoại. Tất cả những khác biệt ấy, thay vì làm phong phú kho tàng ý kiến của quốc gia có thể trở thành những nguyên nhân xung đột, làm tê liệt mọi sinh lực của đất nước nếu mọi người không nhìn thấy được chỗ đứng của mình.

Chấp nhận sự khác biệt là điều kiện chắc chắn chúng ta phải làm. Nhưng sự chấp nhận này không thể chỉ là một sự chấp nhận miễn cưỡng, do một so sánh lực lượng chưa ngã ngũ. Nó phải là một sự chấp nhận thành thực và sâu sắc, xuất phát từ sự kính trọng thực sự những người khác với mình.

Một sự chấp nhận thành thực nhưng thụ động cũng chưa đủ. Nếu chúng ta muốn bắt kịp thế giới, muốn một chỗ đứng xứng đáng cho đất nước, thì sự chấp nhận phải tích cực và có tính hợp tác để mọi người thuộc mọi khuynh hướng, mọi thành phần có thể đóng góp và giúp nhau đóng góp vào tương lai chung của đất nước.

Chính vì vậy mà trong hoàn cảnh lịch sử của chúng ta, hòa giải và hòa hợp dân tộc là yếu tố không có không được cho điều mà hầu như mọi người Việt Nam đều đã chấp nhận, nghĩa là dân chủ đa nguyên.

*Nguyễn Chính Phương*

## Một cuộc chiến mới đã bắt đầu

Từ cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh), hàng đoàn người buôn lậu ngang nhiên mang hàng lậu đi bộ về Gò Dầu và từ Gò Dầu đi xe về Sài Gòn. Dân buôn lậu đã kết hợp thành tổ chức với hàng trăm người sẵn sàng đánh trả khi bị kiểm soát, ngăn chặn.

Ngày 13-9-1990, có 60 thương binh ngang nhiên mang thuốc lá lậu từ Mộc Bài về Gò Dầu.

Ngày 19-9, hàng trăm người khác bao vây công an huyện Gò Dầu đòi thả những đồng bọn đã bị bắt.

Sáng 20-9, lực lượng buôn lậu tấn công lực lượng chống buôn lậu tại xã An Thạnh (huyện Bến Cầu).

Chiều 24-9, hàng trăm tay buôn lậu khác ngang nhiên chặn bắt xe của bộ chỉ huy quân đội huyện Gò Dầu, uy hiếp tài xế bắt chớ hàng lậu về Sài Gòn.

Sáng hôm sau một toán buôn lậu bắt trói một công an tại chợ Hữu Nghị, huyện Bến Cầu để răn đe.

Mỗi ngày các đoàn buôn lậu chuyển về Sài Gòn 3-4 đợt hàng và sử dụng 4-5 xe ô tô hoặc xe tải, có khi dùng cả xe du lịch, kèm theo khoảng từ 400 đến 500 xe Honda. Phía sau mỗi xe Honda là một thương binh ngồi cầm "tô" (nặng chổng) hay tầm vòng quơ lên trời, reo hò kinh động cả tuyến đường và khi đi ngang qua các trạm kiểm soát những người này hô to: "Binh đoàn buôn lậu Cửu Long đã về, tránh đường cho chúng ông qua!". Những trạm công an bên đường dĩ nhiên là đánh án binh bất động. Nhưng như vậy cũng chưa chắc đã an toàn, đôi khi các tay anh chị trong "binh đoàn buôn lậu" còn phá trụ sở, đánh đập công an để thị uy.

Trưa ngày 25-9-1990, chính quyền thành phố Sài Gòn huy động cả trung đoàn công an phối hợp với lực lượng đặc nhiệm (lực lượng được huấn luyện đặc biệt để chống biểu tình) và với những lực lượng công an địa phương tổ chức một cuộc phản công đại qui mô. Quân chính quyền phục kích đoàn buôn lậu trên một tuyến đường dài gần 5 km. Khi mật hiệu "giờ G quạ đen tha mồi về tổ" được phát ra, những đơn vị này nhào ra dùng võ thuật đánh vật với đám buôn lậu. Binh đoàn buôn lậu đánh trả rất dữ dội. Trận chiến, được mô tả là sôi nổi này, kéo dài suốt 15 giờ, cuối cùng phe buôn lậu phải rút lui và có trên 300 người bị bắt.

Vài ngày sau tình hình trở lại... như cũ vì nhà nước không có khả năng để phát động thường xuyên những cuộc hành quân lớn kiểu "giờ G quạ đen tha mồi về tổ". Các tổ chức buôn lậu vẫn tiếp tục... buôn lậu, họ dùng ghe xuồng, thay vì dùng xe, chuyển hàng về Sài Gòn trên các tuyến của sông Vàm Cỏ Đông.

Đất nước đang đi vào một cuộc chiến mới: chiến tranh giữa chính quyền cộng sản và các tổ chức buôn lậu có gốc rễ trong quần chúng, có vũ trang và có cả hậu thuẫn của bộ đội địa phương. Cuộc chiến này đang diễn ra trên khắp các tỉnh biên giới và ven

biển, đặc biệt nghiêm trọng tại hai tỉnh An Giang và Tây Ninh. Tại hai tỉnh này sự đồng lõa giữa bộ đội địa phương và các băng đảng buôn lậu là một sự thật hiển nhiên. Đường như đã có một sự thỏa thuận chung giữa các tổ chức buôn lậu và các lực lượng chống buôn lậu là cả hai bên đều tự chế không sử dụng vũ khí mà chỉ dùng võ thuật đánh vật với nhau. Không phải vì nhân đạo mà cả phe chính quyền cộng sản lẫn phe buôn lậu đã không sử dụng súng đạn, nhưng chính vì sợ hậu quả leo thang của vũ khí. Cả hai phe đều được trang bị hỏa lực như nhau.

Cuộc chiến này sẽ không thể có phe nào thắng và nó có nguy cơ kéo dài dai dẳng vì cả hai phe đều có những hậu thuẫn riêng của nó. Phe buôn lậu, ban đầu là những lái buôn được sự hậu thuẫn của những chính quyền địa phương cho đi qua địa phận của mình để thu thuế, dần dần họ lôi kéo được sự tham gia của những phần tử bất mãn chế độ, thương phế binh và các thanh niên vô nghề nghiệp. Những phần tử không có gì để mất và để sợ này sẵn sàng chống trả lại bất cứ sự can thiệp nào đến từ chính quyền. Phe chính quyền (những lực lượng chống buôn lậu) gồm đủ các loại công an và các đơn vị đặc nhiệm, họ tham gia vào công tác này vì nhiệm vụ cũng có mà để kiếm chác thêm cũng có. Chính quyền cộng sản có khả năng phát động những cuộc hành quân lớn nếu cảm thấy tình hình trở nên báo động trong khi các băng đảng vũ trang có khả năng nằm chờ trong quần chúng rồi tái hoạt động ngay khi cần. Họ sống trong dân như cá sống trong nước.

Tình trạng này rất đáng lo âu. Buôn lậu và chống buôn lậu lâu dần có thể biến thành một sinh hoạt bình thường.

Trách nhiệm đầu tiên về sự bộc phát của phong trào buôn lậu thuộc về chính quyền cộng sản. Kể từ đầu năm 1989 nhà nước cộng sản không những không cấm mà còn khuyến khích sự xâm nhập của nhiều mặt hàng tiêu dùng ngoại quốc. Buôn bán hàng ngoại qua biên giới lúc đó là một việc làm hợp pháp. Các con buôn lợi dụng thời gian để dài để mua chuộc cán bộ và trở nên lớn mạnh. Họ đã bắt chấp chính quyền và công lý vì họ đã mua chuộc được cả chính quyền lẫn công lý. Chỉ từ mấy tháng gần đây nhà nước cộng sản mới bắt đầu cấm buôn lậu. Nhà nước có lý khi cho rằng phong trào buôn lậu phải chấm dứt vì nó phá hoại kinh tế quốc dân. Những người buôn lậu cũng có thể vận lại là chính nhà nước đã trở mặt. Nói chung không phe nào có chính nghĩa cả, chỉ có đất nước là thiệt thòi.

Chính quyền cộng sản hiện nay không có tư thế để bài trừ buôn lậu vì chính quyền đó không thể vừa là thủ phạm vừa là công lý. Buôn lậu là một tệ nạn xã hội cần phải chấm dứt nhưng chính quyền cộng sản không thể làm được việc này. Chỉ có một chính quyền có uy tín được hậu thuẫn của toàn dân mới có thể thuyết phục mọi người, kể cả giới buôn lậu, rằng phong trào buôn lậu là một trở ngại cho việc phát triển đất nước. Chỉ có một chính quyền như vậy mới được sự hỗ trợ của toàn dân để xóa bỏ phong trào buôn lậu.

Một chính quyền đứng đắn cũng phải vừa cảm thông vừa quả quyết. Cảm thông vì những người buôn lậu đã chỉ phản ứng lại một cách làm kinh tế không chấp nhận được của chính quyền cộng sản và vì họ được sự hậu thuẫn của nhiều thành phần dân chúng, cảm thông cũng vì phong trào buôn lậu không phải ngẫu nhiên mà có mà đã xuất hiện với sự khuyến khích ban đầu của chính quyền cộng sản, cảm thông vì hiện nay buôn lậu là nguồn sinh sống của rất nhiều người. Nhưng dầu thế nào đi nữa tệ buôn lậu phải chấm dứt.

## Hội Nghị Paris về an ninh và hợp tác Châu Âu

Ba mươi bốn nước trong đó có Mỹ và Canada và các nước ở Châu Âu, trừ nước Albania, đã họp nhau ở Paris từ ngày 19 đến 21-11-1990 tại hội trường Kléber - hội trường đã để lại trong trái tim và đầu óc người Việt Nam nhiều dấu vết - để bàn về những vấn đề trọng đại liên quan đến hòa bình tại Châu Âu nói riêng và thế giới nói chung. Đây là lần đầu tiên, sau cuộc gặp gỡ tại Yalta vào năm 1945, các cường quốc ngồi lại để ghi nhận những biến cố lịch sử đã diễn ra gần đây từ năm 1989: từ bỏ tính thần tranh chấp giữa hai khối (chấm dứt chiến tranh lạnh), đồng thuận hoàn toàn về nguyên tắc thực thi dân chủ, những tiến bộ đáng kể trong địa hạt tài giảm binh bị và vũ khí, sự mở cửa biên giới của các nước Đông Âu và sự thống nhất nước Đức.

Đây là một sáng kiến mà người đóng vai trò chủ chốt là Tổng thống Gorbachev, người đã được tặng giải Nobel Hòa Bình 1990.

Cũng nên nhắc là, ngay trước khi khai mạc hội nghị, hiệp ước tài giảm vũ khí cổ điển tại Châu Âu đã được thương lượng tại Vienna giữa 16 nước của Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và các nước thuộc khối Warszawa, nay được long trọng ký kết tại hội trường Kléber.

Ba lãnh vực mà các nhà chuyên môn gọi lóng là ba "cái giỏ" (corbeille), đã được bàn cãi là: an ninh của Châu Âu, hợp tác kinh tế và bảo vệ môi sinh (environnement), sự tự do luân lưu tư tưởng và tự do đi lại của con người. Những cố gắng của các vị nguyên thủ quốc gia tham dự hội nghị đã cho phép tin rằng sẽ có sự thành hình trong tương lai một "Châu Âu dân chủ, hòa bình và hợp nhất" cũng như sự thành lập "Trung tâm phòng ngừa xung đột" và "Cơ quan giải quyết trong hòa bình các tranh chấp".

## Bài học bầu cử tổng thống tại Ba Lan

Ngày chủ nhật 25-11-1990, nhân dân Ba Lan lần đầu tiên thật sự tự do đi bầu Tổng Thống. Lãnh tụ Công Đoàn Solidarnosc, giải Nobel Hòa Bình, Lech Walesa, được 40% số phiếu, Thủ tướng Tadeusz Mazowiecki được 18% sau cả ứng cử viên triệu phú Stanislaw Tyminski, một di dân Canada-Peru gốc Ba Lan, được 23% số phiếu.

Sau vòng đầu này, Thủ Tướng Mazowiecki đã đệ đơn từ chức. Còn lại Lech Walesa và Stanislaw Tyminski sẽ tranh cử vòng hai vào ngày 9-12-1990. Theo giới thạo tin thì Lech Walesa sẽ có nhiều hy vọng thay thế tướng Jaruzelski trong vai trò nguyên thủ quốc gia.

Kết quả cuộc bầu cử này cho phép có ba nhận định sau đây:

- Đảng cộng sản Ba Lan đã chết và đã được an táng kỹ càng. Không còn một đại diện nào của đảng ra ứng cử, ngay cả tướng Jaruzelski, nguyên thủ đương nhiệm. Một điều đáng khen cho những người cộng sản Ba Lan: họ là những công dân Ba Lan trước khi là người cộng sản. Chủ nghĩa cộng sản đã bị đào thải, đảng cộng sản Ba Lan đã mất chỗ đứng trong lòng dân tộc, họ đã không tham quyền cố vị, ra đi trong một sự yên lặng đầy vinh dự. Đây là một gương sáng cho các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam.

- Sự tranh chấp đáng tiếc giữa hai lãnh tụ, xưa kia là chí hữu trong những giờ đen tối của phong trào Solidarnosc, đã làm cho uy tín của họ mất đi trong quần chúng Ba Lan. Walesa chỉ được

40% số phiếu trong khi vẫn tưởng là với hào quang của mình sẽ đắc cử ngay vòng đầu. Mazowiecki chỉ được một số phiếu vô cùng thảm thương, 18%, thua cả Tyminski, một nhân vật sống lưu vong, cách đây vài tháng không ai biết tới. Đây là một bài học cho hàng ngũ đối lập Việt Nam vẫn còn chia rẽ trầm trọng.

- Sự thành công của Tyminski, nhất là trong giới trẻ, nói lên hình ảnh một giấc mơ của quần chúng quá đói khổ dưới chế độ cộng sản. Họ chỉ mơ ước đến thiên đường tư bản và sẵn sàng đầu tư vào bất cứ ai hứa hẹn thực hiện giấc mơ đó. Tyminski không có một chương trình chính trị, kinh tế nào cả. Khẩu hiệu trong cuộc tranh cử của ông ta là "làm giàu" (business) và đó cũng là sự nghiệp của ông ta trong những năm lưu vong làm ăn tại Canada và Peru.

## Ngược dòng lịch sử?

Trưa ngày 30-4-1975, một đoàn xe tăng cộng sản ào vào Dinh Độc Lập với khí thế đặc thắng. Tướng Dương Văn Minh và ê kíp của ông đã chờ đón sẵn sàng. Ông Minh nói:

- "Chúng tôi đợi quý vị tới để bàn giao quyền hành".

Viên đại tá dẫn đầu toán sĩ quan cộng sản đáp lại một cách trịch thượng:

- "Các anh không còn gì để bàn giao cả. Các anh phải đầu hàng không điều kiện".

Câu này sau ngày 30-4-1975 vẫn thường được sách báo cộng sản nhắc lại như một câu nói lịch sử. Nó cũng tóm gọn chính sách ngay sau đó của cộng sản: miền Nam không được phép đầu hàng một cách lịch sử mà phải đầu hàng một cách hổ nhục, sự chuyên tiếp không thể thân thiện và êm dịu mà phải phủ phàng và tàn nhẫn. Mọi người đều biết những gì đã đến với quân đội và công chức Việt Nam Cộng Hòa sau đó.

Người nói câu nói "lịch sử" đó là Bùi Tín. Ông Tín là con của Bùi Bằng Đoàn, một thông ngôn sau trở thành thượng thư của triều đình Bảo Đại. Ông Bùi Tín đi theo cộng sản từ 1945 ngay Cách Mạng Tháng Tám, tham gia nhiều trận đánh, có mặt tại Điện Biên Phủ rồi trở thành một phóng viên chiến trường. Ngày 30-4-1975, ông là người sĩ quan cao cấp nhất đã tiến chiếm Dinh Độc Lập và đã nhận sự đầu hàng của Dương Văn Minh. Chính ông cũng soạn tại chỗ hai lời tuyên bố đầu hàng bắt Dương Văn Minh và Vũ Văn Mẫu phải đọc. Bùi Tín là người có khả năng viết và nói.

Sau đó, Bùi Tín trở thành phó tổng biên tập tờ Nhân Dân và tổng biên tập ấn bản hàng tuần tờ Nhân Dân Chủ Nhật. Tờ Nhân Dân là tiếng nói chính thức, cơ quan giáo dục chính trị chính thống cho đảng viên và quần chúng nên vai trò của Bùi Tín rất quan trọng. Cho tới nay tờ Nhân Dân vẫn phản ánh một cách trung thực đường lối cứng rắn và bảo thủ của đảng, cứng rắn và bảo thủ hơn cả tờ Quân Đội Nhân Dân, lẽ ra phải có ngôn ngữ "vô biên" hơn. Chính vì vậy mà việc làm mới đây của Bùi Tín trở thành đặc sắc.

Đến Paris vào trung tuần tháng 9 trong phái đoàn chính thức của đảng cộng sản Việt Nam để tham dự ngày hội "Fête de l'Humanité" của đảng cộng sản Pháp, Bùi Tín đã ở lại theo lời yêu cầu của sứ quán Hà Nội tại Paris để tham gia một số cuộc gặp gỡ khác. Thời gian ở lại Paris dài hơn có lẽ đã đem đến cho ông Bùi Tín nhiều quan sát mới. Cuối tháng 11, Bùi Tín quyết định gửi đến các thượng cấp của ông một kiến nghị có nội dung được

những người thân hữu của ông coi là "tiến bộ". Để cho tiếng nói của mình gây tiếng vang, Bùi Tín còn lấy sáng kiến đưa kiến nghị của mình cho các cơ quan thông tấn và sau đó chấp nhận một cuộc phỏng vấn của chương trình Việt Ngữ đài BBC phát thanh về Việt Nam, trong đó Bùi Tín đã kích mạnh mẽ lập trường của ban lãnh đạo đảng cộng sản.

Bùi Tín nghĩ gì và muốn gì? Tự trung, ông tự coi mình là thành phần cởi mở, nhận định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi sau mục tiêu xây dựng đất nước. Bùi Tín cũng nhận định rằng chính sách "đổi mới" của đảng cộng sản từ 1986 đã khựng lại và trong một số địa hạt còn thụt lùi.

Để sửa chữa, Bùi Tín đề nghị với đảng cộng sản nên thụt lùi lại 15 năm, đổi tên nước là Dân Chủ Cộng Hòa và tên đảng là Lao Động như trước đại hội IV. Bùi Tín cũng nhận định rằng dân tộc Việt Nam đang bị chia rẽ thực sự và do đó cần hòa giải dân tộc thực sự. Nhưng Bùi Tín không có lập trường rõ rệt nào về vấn đề đa đảng.

Về chiều sâu, chắc chắn Bùi Tín nói ngược với những gì các thượng cấp của ông nghĩ. Tất cả đều đồng ý rằng đại hội IV đã là một sai lầm kinh khủng, tất cả đều mong tìm lại cơ hội 30-4-1975 một lần nữa, tất cả đều mơ ước bạch hóa những sai lầm của 15 năm qua. Những đề nghị của Bùi Tín cũng được nhiều người đưa ra trong hội nghị lần thứ 9 ban chấp hành trung ương.

Nhưng đi ngược lại dòng thời gian, từ xưa đến nay, vẫn chỉ là những tiếc nuối không bao giờ được thỏa mãn, những ăn năn đôi khi thực lòng nhưng luôn luôn quá muộn màng.

Điều ngộ nghĩnh là người đầu tiên phát biểu thái độ đắc thắng ngạo mạn của đảng cộng sản, nguyên nhân của những đổ vỡ sau này lại chính là Bùi Tín với câu nói lịch sử của ông. Chính câu nói lịch sử này đã khiến bản kiến nghị không thể thỏa mãn được của Bùi Tín xuất hiện ngày hôm nay như một lời thú nhận phá sản đối với đảng cộng sản. Đó chính là điểm có thể gây sự tức giận của ban lãnh đạo đảng. Không có gì đáng ngạc nhiên nếu Bùi Tín xin tị nạn chính trị, mặc dầu cho tới nay ông vẫn tỏ ý muốn về nước để chấp nhận mọi hậu quả của việc ông làm.

Gia đình ông Bùi Tín hình như có duyên với những câu nói lịch sử. Trước đây thân phụ ông là cụ Bùi Bằng Đoàn cũng đã được nhớ tới khi làm thông ngôn trong tòa án xử cụ Phan Bội Châu. Khi viên chánh án người Pháp hỏi cụ Phan: "*Comment t'appelles-tu?*", Bùi Bằng Đoàn dịch lại: "*Tên mày là gì?*" Câu dịch này đã làm nhiều thanh niên thời đó phẫn nộ, và trong các phiên tòa sau, ông Đoàn đã gọi Cụ Phan Bội Châu bằng "Ông", rồi bằng "Cụ".

## Châu Á trỗi dậy

Bản phúc trình thường niên của tổ chức GATT (Thỏa ước mậu dịch và quan thuế quốc tế) được công bố cuối tháng 11-1990 cho thấy mặc dầu bị cuộc khủng hoảng tại vịnh Ba Tư gây xáo trộn, mậu dịch quốc tế vẫn tích cực trong năm 1990, tăng 6% so với 1989, mặc dầu có suy giảm chút ít so với mức gia tăng năm 1989 (7%). Như vậy trong suốt bốn năm qua, mức gia tăng thương mại quốc tế đã tiếp tục cao hơn mức gia tăng sản xuất trên 50%.

Điều đặc biệt đáng chú ý là các nước Châu Á nói chung vẫn dẫn đầu rất xa so với phần còn lại của thế giới về mức độ phát triển kinh tế. Các trao đổi thương mại tại Châu Á đã tăng gần 8% trong khi tại Bắc Mỹ và Tây Âu con số này chỉ ở mức 5%. Sản xuất tại Châu Á tăng hơn 4% trong khi tại Bắc Mỹ và Tây Âu chỉ có 2%.

Châu Mỹ la-tinh tiếp tục trì trệ trong khi Châu Phi rất điều đúng. Hoạt động mậu dịch quốc tế của các nước Châu Phi không những không tăng mà còn giảm đi.

Bản phúc trình tuy vậy đã không phản ảnh đúng sự tích cực của các nước Châu Á đang tiến lên. Sự suy thoái trầm trọng của Việt Nam, Miến Điện cũng như sự dấn chân tại chỗ của Trung Quốc đã hạ thấp mức tăng trưởng trung bình của Châu Á rất nhiều. Một điểm đáng chú ý khác là lần đầu tiên Nhật Bản đã trở thành nước nhập cảng dịch vụ nhiều nhất thế giới, hơn cả Hoa Kỳ.

## Jacques Chirac sẽ chính thức viếng thăm Việt Nam

Cựu Thủ Tướng Pháp, Thị trưởng thành phố Paris, Jacques Chirac, sẽ chính thức viếng thăm Việt Nam vào tháng 3-1990, theo lời mời của chính quyền Hà Nội.

Cuộc viếng thăm này được đặt dưới danh nghĩa một cuộc viếng thăm nhân đạo. Vị lãnh đạo quan trọng này của phe đối lập trên chính trường Pháp quốc, nhân dịp cuộc viếng thăm này, sẽ không quên khuyến cáo chính phủ Việt nam trong các lãnh vực tôn trọng nhân quyền, một nguyên tắc mà dân tộc cũng như các chính phủ Pháp luôn luôn bảo vệ nhiệt thành, cũng như các lĩnh vực khác như tự do, dân chủ theo gương các nước Đông Âu và những cố gắng tìm kiếm giải pháp thỏa đáng cho vấn đề thuyền nhân tị nạn.

Ngoài ra, cuộc viếng thăm sẽ được thực hiện trong khuôn khổ một chương trình giúp đỡ theo ba hướng chính sau đây:

- Tìm kiếm những cơ hội đầu tư cho các công kỹ nghệ gia tăng từng phá đoàn;

- Phát triển chương trình dạy tiếng Pháp tại Việt Nam cũng như đào tạo chuyên viên Việt Nam về vi điện toán (micro-informatique). Chương trình này sẽ được thành phố Paris đài thọ,

- Thành phố Paris sẽ trực tiếp giúp đỡ ba thành phố lớn: Sài Gòn, Huế và Hà Nội trong khuôn khổ chuyển nhượng các "cách làm ăn" (savoir-faire, know-how) về phương pháp quản trị một thành phố lớn. Nhất là trong địa hạt điện, nước, đường sá, vệ sinh và thiết kế đô thị.

## Đòi lớn tại Liên Xô

Tình hình cung ứng thực phẩm đang trở thành bi đát tại các thành phố lớn của Liên Xô và ngay cả tại thủ đô Moskva. Từng đoàn người chen lấn nhau xếp hàng trong những đuôi dài và dày đặc trước các cửa hàng thực phẩm trống trơn chờ đợi một chiếc xe hàng tiếp liệu. Người ta chen lấn nhau đánh một ổ bánh mì, các cụ già bị xô đẩy một cách không nể nang.

Con đường đi tới kinh tế thị trường không phải là không gai góc. Sản xuất của Liên Xô không sút giảm bao nhiêu trong thời gian qua, nhưng hệ thống phân phối đã bị xáo trộn trầm trọng, sự lo sợ đã khiến nhiều gia đình Liên Xô tương đối khá giả mua thực phẩm tích trữ phòng hờ làm thực phẩm trở nên khan hiếm hơn. Trước đây trong hệ thống kinh tế hoạch định, hệ thống phân phối hoàn toàn nằm trong tay nhà nước. Hệ thống đó hiện nay bị xóa bỏ tại nhiều nơi, bị tê liệt tại nhiều nơi khác trong khi các mạch phân phối mới của kinh tế thị trường chưa hình thành xong. Một số lớn thực phẩm đã bị hư hao tại nhiều nơi.

Để giúp Liên Xô qua khỏi khó khăn Cộng Hòa Liên Bang Đức



đã quyết định biểu không toàn bộ kho thực phẩm dự trữ tại Tây Berlin, trị giá 300 triệu USD, nhiều tổ chức Tây Đức cũng vận động quyền góp để giúp Liên Xô. Chiến dịch quyền góp này đã được hưởng ứng mạnh.

Hoa Kỳ, nước có nhiều khả năng về thực phẩm nhất để giúp đỡ đồng minh mới, Liên Xô, lại tỏ ra hoài nghi về tác dụng của viện trợ trực tiếp. Lập luận của Hoa Kỳ là các hàng hóa viện trợ sẽ lập tức tìm đường đi vào chợ đen và vấn đề sẽ còn nguyên vẹn. Điều này đã số các chuyên viên Liên Xô cũng đồng ý.

Chính vì quan tâm đến việc sử dụng hợp lý viện trợ thực phẩm nên chính quyền Liên Xô dồn mọi cố gắng vào việc sử dụng khối lượng thực phẩm do Đức trao tặng. Một Ủy Ban đặc nhiệm phối hợp 15 bộ của Liên Xô và 10 bộ của Đức được thành lập để đảm bảo đem thực phẩm tới những người đang thiếu ăn.

Trong hoàn cảnh ấy, không có gì ngạc nhiên khi tổng thống Gorbachev quyết định không sang Oslo để nhận giải Nobel về Hòa Bình, một điều mà ông rất hân hoan và hạnh diện, nhưng lại bị hai phần ba dân Liên Xô coi là thứ yếu vào giữa lúc họ đang bị khốn đốn vì những vấn đề cấp bách hơn nhiều như thực phẩm và chất đốt cho mùa đông đang tới.

## Luật rừng

Phe quân phiệt tại Miến Điện đã trắng trợn sử dụng luật rừng khi bỏ tù và quản thúc những lãnh tụ thuộc Liên Minh Dân Chủ (LND) của bà Aung San Suu Kyi. Mặt Trận Liên Minh Dân Chủ đã thắng về vang trong cuộc bầu cử quốc hội hồi tháng 5-1990 vừa qua với 80% số phiếu.

Ngày 11-11-1990, tướng Ne Win và phe của ông buộc những dân biểu của Liên Minh chưa bị cầm tù không được phép thành lập một nội các dân sự trước khi phe này chấp thuận bản hiến pháp mới.

Phe quân phiệt của Ne Win đã tỏ ra coi thường dư luận thế giới vì họ nắm mọi quyền hành. Tuy có một địa thế thuận lợi và nhiều điều kiện để phát triển kinh tế nhưng từ gần hai mươi năm vừa qua cộng sản Miến Điện đã biến nước họ thành một quốc gia nghèo nhất thế giới. Tương lai của nhóm quân phiệt và của Miến Điện vẫn còn đen tối.

## Chiến dịch ngoại giao của Hà Nội

Sau chuyến đi Trung Quốc không kèn không trống của phái đoàn cao cấp do Tổng Bí Thư DCSVN Nguyễn Văn Linh cầm đầu vào tháng 9-90 và chuyến đi Mỹ được quảng cáo rầm rộ của bộ trưởng Ngoại Giao Hà Nội Nguyễn Cơ Thạch, chính quyền cộng sản Việt Nam tiếp tục chiến dịch "nụ cười" với các nước Tây Âu và các nước trong vùng Đông Nam Á hầu mong thoát khỏi tình trạng cô lập hiện nay.

Đầu tiên là chuyến viếng thăm Nhật của ông Nguyễn Cơ Thạch từ 21 đến 27-10-90. Nhật Bản là nước đang giao dịch buôn bán nhiều nhất với Việt Nam trong số các nước kỹ nghệ hóa, tuy bề ngoài vẫn tôn trọng nguyên tắc phong tỏa giao thương do Hoa Kỳ chủ xướng (Tổng Thống Bush mới gia hạn thêm một năm lệnh phong tỏa này). Tuy nhiên, chuyến đi của ông Thạch đã không mang lại thay đổi quan trọng nào trong việc giao thương. Tokyo

vẫn chờ "giải quyết xong vấn đề Kampuchea", thực chất là chờ Việt Nam không còn chế độ độc tài nữa.

Sau đó ông Nguyễn Cơ Thạch đã đi Thái Lan. Trong một cuộc gặp gỡ mười lăm phút với thủ tướng Thái, ông đã ngỏ ý muốn hai nước có cuộc họp cấp thủ tướng. Rất có thể ông Đỗ Mười sẽ sang Thái Lan một ngày gần đây. Cũng nhân dịp này, Hà Nội nhắc lại ý muốn của họ gia nhập khối ASEAN, là Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á gồm Indonesia, Philippines, Mã Lai, Thái Lan, Singapore và Brunei.

Biến cố đáng chú ý nhất là cuộc viếng thăm Việt Nam của tổng thống Indonesia, ông Suharto. Ông trở thành nguyên thủ quốc gia đầu tiên của một nước không cộng sản viếng thăm Việt Nam từ 1975. Nhân dịp này, bộ trưởng ngoại giao hai nước đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật, trong các lãnh vực dầu hỏa, xây cất hải cảng, dịch vụ hàng không, du lịch, nông nghiệp, ngân hàng và huấn luyện về quản trị.

Về phía tây phương, Anh Quốc đã thời không phủ quyết việc bang giao chính thức giữa Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu và Việt Nam, sau khi Hà Nội ký kết với Anh Quốc và Cao Ủy Tị Nạn LHQ việc hồi hương những người "không tự nguyện hồi hương" (xem tin Thông Luận 32).

Ông Nguyễn Văn Linh cũng vừa nhắc lại một đề nghị đã từng làm đề tài hí hóa cho báo chí quốc tế, đó là việc mời Mỹ trở lại sử dụng căn cứ Cam Ranh. Trong một cuộc trả lời phỏng vấn đài truyền hình Nhật Bản, ông đã mời Mỹ và cả Nhật sử dụng căn cứ quan trọng này của vùng Đông Nam Á. Được biết Đại Sứ Liên Xô tại Hà Nội gần đây khi trả lời phỏng vấn báo chí đã xác nhận Liên Xô đang rút ra khỏi Cam Ranh, nhưng không cho biết đến bao giờ thì rút hết.

Thị trường Việt Nam sẽ là con mồi béo bở của các quốc gia trong vùng cũng như của các cường quốc trên thế giới, vì là thị trường mới, chưa khai thác. Nhưng chẳng ai dại gì đưa đầu vào một nước còn một thể chế độc tài như Việt Nam hiện nay. Ngược lại, họ đều trù liệu một thay đổi theo chiều hướng dân chủ xảy ra bằng cách này hay cách khác, nên tất cả đều tìm cách dò đường, chuẩn bị, hoặc có hành động "thò một ngón chân vào" để đến lúc quyết định, họ có mặt trên hàng đầu trong cuộc chạy đua hưởng lợi trên thị trường to lớn này.

## Các giám mục Việt Nam được phép đi Vatican

Trong số trước, chúng tôi loan tin có hai vị giám mục là Đức Cha Lê Phong Thuận (Cần Thơ) và Nguyễn Văn Hòa (Nha Trang) được đi tham dự Thượng Hội Đồng Giám Mục thế giới tại Vatican khi cuộc họp kéo dài một tháng này sắp chấm dứt. Khi đã họp xong đầu đầy rồi thì tất cả các giám mục đều được nhà nước cho phép đi phò hội. Lý do sự chậm trễ này là sự "hiểu lầm của nhà nước"!

Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình và 20 vị giám mục đã đến Roma hội kiến Đức Giáo Hoàng. Theo thông lệ của Giáo Hội Công Giáo, cứ 5 năm các giám mục trên toàn thế giới phải đến Vatican để tĩnh tâm và tường trình về vấn đề mục vụ tại địa phận mình. Trái với lần trước, lần này các giám mục Việt Nam đã gặp nhau ở Vatican đông đảo hơn và cởi mở hơn. Một số đã qua Pháp trước khi trở về Việt Nam.

Đầu tháng 11-90, một phái đoàn Vatican do Đức Hồng Y

Etchegaray cảm đầu đã đến Việt Nam gặp các giới chức chính quyền Hà Nội bàn về vấn đề tấn phong các giám mục, và bổ nhiệm vào năm địa phận hiện còn thiếu chủ chăn. Có nguồn tin cho rằng sẽ có sự thay đổi hàng loạt các giám mục đến tuổi về hưu bằng những vị mới, trong đó có cả những linh mục đang ở hải ngoại sẽ được tấn phong giám mục.

## Dầu lửa Việt Nam

Một túi dầu quan trọng nhất từ trước đến nay đã được phát hiện ngoài khơi Vũng Tàu, sau hai năm thăm dò. Thông tấn xã của Hà Nội cho hay hãng Vietsovpetro đã tìm thấy túi dầu này ở khu mỏ Đại Hùng, gần mỏ Bạch Hổ là mỏ duy nhất đang khai thác tại Việt Nam. Nguồn tin không cho biết trữ lượng dầu của túi này là bao nhiêu.

Công ty hỗn hợp Việt Nam - Liên Xô Vietsovpetro, được thành lập từ năm 1981 và độc quyền thăm dò và khai thác dầu trên thềm lục địa Việt Nam cho đến năm 1988. Kể từ 1988, các hãng dầu lớn của tây phương bắt đầu đến thăm dò, ngoại trừ các hãng của Mỹ còn bị ràng buộc bởi lệnh cấm giao thương. Total thăm dò ở vịnh Bắc phần (mới khoan được một giếng có dầu), Shell/Petrofina khoan ngoài khơi Huế, British Petroleum tìm kiếm ngoài khơi Đà Nẵng, ONGC (Ấn Độ) được chia vùng gần khu Bạch Hổ ngoài khơi Vũng Tàu. Trong năm 1990, đã thêm một số hãng ký hợp đồng thăm dò và khai thác: Petrocanada, Enterprise và IPL/SECAB/Clyde (khu biển ngoài khơi Vũng Tàu, gần Bạch Hổ và Đại Hùng), Petrofina (khu vịnh Thái Lan, ngoài khơi Cà Mau), BHP của Úc (ngoài khơi Quảng Ngãi, Qui Nhơn), Sceptre (ngoài khơi Đồng Hới). Những hãng khác đang thương lượng gồm Sodeco, Petrocorp, Pertamina. Các kế ước thông thường được ký kết trên thời hạn 25 năm, kể cả thời gian 5 hoặc 6 năm thăm dò.

Giếng Bạch Hổ, phát hiện có dầu từ 1974, đang sản xuất 35.000 thùng một ngày, có trữ lượng ước tính khoảng 20 triệu thùng. Năng suất dự trữ sẽ tăng lên đến 100.000 thùng một ngày năm 1992. Con số này còn rất khiêm tốn so với các nước sản xuất dầu khác trên thế giới. Dầu thô sản xuất tại Việt Nam có tỷ lệ parafin cao nên có nhiều trở ngại trong việc khai thác và chuyên chở (parafin sẽ đông đặc ở nhiệt độ và áp suất bình thường). Phần lớn số dầu thô này xuất khẩu sang Nhật Bản. Việt Nam hiện chỉ có một nhà máy lọc dầu tí hon ở gần Sài Gòn. Một nhà máy lớn hơn đang được xây cất tại Thành Tuy Hạ và dự trữ đi vào sản xuất năm 1995.

Trong khi chờ đợi, năm nay Việt Nam đang khốn đốn vì thiếu xăng dầu. Giá dầu tăng vọt lên 2.000 đồng một lít. Đài Hà Nội vừa loan báo chỉ thị của ông Đỗ Mười, thủ tướng chính quyền Hà Nội, cắt giảm 20% số lượng xăng dầu tiêu dùng trong các cơ quan và xí nghiệp, cấm nhập cảng xe hơi dưới 15 chỗ ngồi và xe gắn máy, cho tới cuối năm 1991. Lý do chính thức được đưa ra là cuộc khủng hoảng vùng Vịnh A Rập - Ba Tư làm tăng giá dầu, nên Liên Xô đã chỉ cung cấp có 30% số dầu dự trữ cho Việt Nam. Những nguồn tin thông thạo cho biết Liên Xô cắt giảm đến 2/3 số lượng xăng dầu cung cấp vì Hà Nội không trả được nợ cũ.

Thời kỳ "tình đồng chí khăng khít keo sơn" đã chấm dứt. Bắt đầu thời kỳ tiền trao cháo múc.

## Một chính sách giáo dục rất vô giáo dục

Riêng trong tháng 7, 8, 9 năm nay đã có 1258 giáo viên thuộc thành phố Sài Gòn xin nghỉ việc. Quá phân nửa cho biết là họ nghỉ việc vì lương bổng quá thấp. Rất nhiều người bùi ngùi khi phải bỏ nghề dạy học mà họ rất quý mến.

"Vi lợi ích trăm năm trồng người", ông Hồ Chí Minh đã nói, thực ra đã nhắc lại câu nói của Lương Văn Can (trích từ sách Luận Ngữ: bách niên chi kế mạc như thụ nhân). Có lẽ vì đảng cộng sản không thấy mình có tương lai trăm năm, hay ngay cả mười năm nữa nên họ đã bỏ qua cái vụ trồng người. Giáo dục không còn là niềm ưu tư của nhà nước cộng sản nữa. Hơn thế, đảng và nhà nước còn đối xử một cách rất thiếu giáo dục với ngành giáo dục.

Trước hết là kinh doanh giáo dục. Từ hai năm nay chế độ giáo dục miễn phí không còn nữa. Số học sinh giảm đi một phần ba, các trẻ em nghèo không tới trường được nữa. Các trường được phân loại và tính học phí theo phẩm chất. Có nhiều tiền được học trường tốt (nhiều trường học phí bán trú lên đến 40.000 đồng một tháng), có ít tiền học trường dở, có ít tiền hơn nữa thì học trường tồi. Nhiều trường không còn cả mái nhà.

Sau đó là cướp đoạt trường sở. Các trường khang trang, địa điểm tốt bị cướp đoạt đem bán cho công ty xí nghiệp để lấy tiền cho ngân sách. Có trường hợp một trường biến thành hãng rượu. Học sinh bị đem nhét vào những trường khác vốn đã thiếu tiện nghi và đầy học trò.

Mới đây lại xuất hiện hai biện pháp cướp giật trá hình khác nữa.

Đầu tiên là khát nợ. Trong số 18 quận huyện của thành phố Sài Gòn, chỉ có 8 (quận Ba, Năm, Sáu, Tám, huyện Duyên Hải, Hóc Môn, Bình Chánh, Bình Thạnh) đã trả đủ lương và phụ cấp, 8 quận huyện còn lại còn nợ các giáo viên 350 triệu đồng.

Kế đến là bắt chẹt. Trước đây các giáo viên được trợ cấp thêm 20 ký gạo mỗi tháng vào lúc mà giá gạo tiêu thụ trên thị trường còn ở mức 500 đồng một ký. Lương và phụ cấp như vậy đủ bảo đảm 80 ký gạo mỗi tháng. Ngày nay gạo đã lên trên 1500 đồng/ký, lương giáo viên vẫn không tăng. Riêng trợ cấp 20 ký gạo thì lại giảm đi vì nhà nước đánh giá một cách trắng trợn là một ký gạo tương đương với 1000 đồng và trả cho giáo viên 20 ngàn đồng thay vì 20 ký gạo. Số tiền này chỉ đủ để mua 15 ký gạo thường. Nói chung lương và phụ cấp của một giáo viên rành nghề chỉ bằng 60 ngàn đồng, tương đương với 40 ký gạo. Lợi tức thực sự của giáo viên đã giảm đi một nửa trong vòng hai năm qua.

## Chính quyền kiểu gì đây?

Ở nước nào có tình trạng đảng cầm quyền, nhà nước, quân đội, nghiệp đoàn, ngành khoa học, cả tư pháp chính thức đi buôn lậu?

Tại Quảng Ninh có gần 100 xí nghiệp, công ty, nhà máy thi nhau đi buôn lậu. Chủ nhân của các đơn vị này không phải là tư nhân mà là đảng, nhà nước và đủ thứ cơ quan đáng lẽ không thể có bất cứ một chức năng kinh doanh nào. Có 30 đơn vị thuộc quyền sở hữu của quân đội, 30 đơn vị thuộc nhà nước và 8 đơn vị thuộc các đảng bộ đảng cộng sản. Tất cả đều hoạt động một cách bất hợp pháp nhưng rất công khai. Họ thu mua than của những người lấy cắp than và đem bán cho các nơi khác. Nội trong 9 tháng đầu năm 1990, số than do họ thu và bán ra khỏi tỉnh Quảng Ninh lên tới 600 ngàn tấn. Nhà máy xi măng Bim Sơn, đáng lẽ là để sản xuất xi măng thì trên thực tế lại trở thành một



chợ than lậu khổng lồ. Hàng trăm cửa hàng "đại lý than lậu" có mặt tại đó chờ khách.

Trước tình hình lộng hành này, công an bó tay chăng? Không. Họ cũng tham gia buôn lậu. Xí nghiệp Dịch Vụ Đời Sống mà chủ nhân là Sở Công An Quảng Ninh trong năm 1989 đã doanh thu hơn 800 triệu đồng và đang gia tăng hoạt động.

Còn ngành tư pháp thì sao? Chuyện động trời nhất mà chỉ có chế độ cộng sản Việt Nam mới có là họ cũng tham gia kinh doanh than lậu. Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Thanh Hóa ngang xướng ký hợp đồng cung cấp than cho nhà máy xi măng Bim Sơn, rồi giao cho một công ty tư doanh đi thu mua giùm, ở giữa ăn lời 30 triệu.

Nếu những chuyện trên đây không do chính tờ Quân Đội Nhân Dân (số 10.544 ra ngày 1-10-1990) thuật lại, chắc chắn đại đa số người đọc sẽ cho là chuyện bịa đặt quá lớn.

---

## Đất nước đau khổ cùng với họ

Trên 3.000 công nhân ngành luyện kim các tỉnh miền Nam lần lượt mất công ăn việc làm. Họ hoàn toàn tuyệt vọng vì khả năng của họ quá chuyên môn không thể chuyển qua các ngành khác. Đa số tìm cách thuê xích lô đạp để kiếm sống, nhưng chỉ một số ít thực hiện được "giấc mơ" này. Ngành luyện kim hoàn toàn phá sản.

Lý do giản dị là không còn sắt phế thải nữa mặc dầu yêu cầu thị trường vẫn còn khá cao. Nhà máy Lưới Thép Tân Bình đã ngưng hoạt động, sa thải hết công nhân chỉ giữ lại công nhân bảo trì để hy vọng một ngày, không biết bao giờ tới, sẽ có thể tiếp tục hoạt động. Nhà máy Lưới Thép Tân Bình cần các thỏi sắt (lingot) do nhà máy Vikimco cung cấp. Vikimco, với công suất 40 tấn thỏi mỗi ngày, đã phải ngưng hoạt động vì không có sắt phế thải để nấu. Các nhà máy Vicasa, Sakynaco cũng ở trong tình trạng tương tự. Tất cả đều vì không có sắt phế thải.

Vậy phải chăng sắt phế thải đã hết? Không, sắt phế thải vẫn còn và còn rất nhiều, mặc dầu đã bị xuất khẩu bừa bãi trong hai năm qua. Nhưng số lượng sắt còn lại vẫn được dùng để xuất khẩu. Oái oăm thay, từ hai năm qua Việt Nam mặc dầu không sản xuất ra sắt và rất cần sắt lại là một trong những nước xuất khẩu sắt vụn. Sắt vụn của Việt Nam vẫn còn đầy rẫy trong các kho chứa và từng đoàn xe vận tải vẫn tiếp tục nối đuôi nhau đổ hàng xuống bãi để chất đầy lòng các tàu bán cho Nhật, Indonesia, Nam Triều Tiên và cả Honduras, trong khi các nhà máy luyện kim Việt Nam phải đóng cửa vì không có sắt vụn.

Các công ty này không thể nào cạnh tranh được với các công ty nước ngoài. Họ chỉ có thể thu mua với giá 300 đồng/kg trong khi các tàu hàng nước ngoài thu mua với giá gấp đôi.

Vậy ai xuất cảng làm chết ngành luyện kim Việt Nam? Đó là các cơ quan nhà nước đáng lẽ không có tư cách kinh doanh như Bộ Quốc Phòng, Bộ kinh tế đối ngoại, các chính quyền cấp tỉnh, huyện. Các cơ quan này thì nhau mở công ty xuất nhập khẩu để thu mua và xuất cảng sắt vụn. Có hàng trăm công ty hoặc được thành lập để xuất cảng sắt hoặc tự ý chuyển ngành sang xuất khẩu

sắt để kiếm lời. Một số công ty hoàn toàn không liên quan gì đến ngành sắt cũng xuất khẩu sắt như Nông Trường Sông Hậu, Xí Nghiệp Chế biến Nông Hải Sản Mỏ Cây, công ty Lâm Hà (thuộc ủy ban nhân dân thành phố Sài Gòn, được lập ra để phát triển nông nghiệp). Một trong những công ty xuất nhập khẩu sắt mạnh nhất là Geseco thuộc Bộ Quốc Phòng. Công ty này được các khách hàng ngoại quốc ưa chuộng vì sự khờ khạo của nó. Một lần chúng điển hình là ngày 25-8-90, công ty này đã "xuất khẩu nhầm" 990 tấn nòng đại bác trị giá rất cao làm sắt vụn, cùng ngày công ty ấy cũng bán làm sắt vụn 160 tấn hợp kim nhôm cao cấp.

Chính quyền cộng sản cho tới nay hoàn toàn không có bất cứ một biện pháp nào để ngăn chặn phong trào tẩu tán tài sản quốc gia này. Hạn chế và qui định việc xuất khẩu sắt vụn hoàn toàn không phải là một hành động trái với kinh tế thị trường, trái lại còn là một việc phù hợp với kinh tế thị trường. Một cách đúng đắn, không thể cho phép các cơ quan chính quyền như Bộ Quốc Phòng và các Ủy Ban chính quyền địa phương đứng ra kinh doanh buôn bán. Mỗi ngành kinh doanh đều có chuyên môn của nó, không thể cho kinh doanh bừa bãi để tránh những "sai lầm" tai hại như trường hợp công ty Geseco. Cuối cùng sở dĩ các cơ quan nhà nước thì nhau xuất khẩu sắt vì họ có lợi nhuận quá cao, lợi nhuận này có được là vì thuế đánh trên sắt vụn xuất khẩu quá thấp và trong đại đa số các trường hợp các cơ quan đều tìm cách móc ngoặc, chia chác để trốn thuế.

Trong kinh tế thị trường không có vấn đề cấm đoán, chỉ cần làm việc đúng đắn cũng đủ cứu ngành luyện kim và các ngành phụ thuộc như xây cất, dụng cụ nông nghiệp, v.v... Nhưng đòi hỏi nhà nước cộng sản làm việc đúng đắn là một điều không tưởng!

---

## Vụ Thanh Hương kết thúc mờ ám

Ngày 27-10-1990, sau hai tuần xét xử, tòa án Sài Gòn đã kết thúc vụ án Thanh Hương. Nguyễn Văn Mười Hai, giám đốc công ty Thanh Hương, bị tuyên án chung thân khổ sai, 14 tông phạm bị xử từ 3 đến 14 năm tù, 7 người khác được hưởng án treo. Trong số các bị can này, có 7 viên chức cấp nhỏ bị kết tội đồng lõa và nhận hối lộ, trong đó 3 người được hưởng án treo.

Thanh Hương là một công ty sản xuất nước hoa nhưng đã được chính quyền cộng sản để mặc cho nhận tiền tiết kiệm của quần chúng. Tổng cộng Thanh Hương đã nhận gần 155 tỷ đồng của công chúng và đã làm mất của công chúng hơn 116 tỷ. Tổng số nạn nhân lên đến 65.944 người.

Hàng ngàn người đã kéo tới tòa án Sài Gòn để nghe phiên xử. Báo chí trong nước đã phản ánh tâm tư của tất cả mọi người, theo đó đã chỉ có những nhân viên cấp nhỏ bị đem làm dê tế thần. Không ai tin rằng một vụ lương gặt công khai và đại qui mô đến thế lại chỉ có một số tông phạm ít như vậy trong chính quyền và hơn thế nữa lại chỉ có những tông phạm cấp thấp như vậy (người cao cấp nhất là cựu chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Quận 1).

Vậy vụ Thanh Hương thực sự là gì? Có lẽ một phần do không hiểu, một phần do không dám nói, báo chí trong nước đã không thể không nhận diện can phạm thực sự của vụ án. Đây là một vụ

lường gạt có kế hoạch do chính quyền cộng sản chủ mưu với mục đích thu hút tiền mặt trong quần chúng, làm giảm khối tiền tệ lưu hành, làm giảm lạm phát. Đây là một vụ cướp đoạt trắng trợn tài sản của dân chúng. Nguyễn Văn Mười Hai vô tình hay cố ý đã chỉ là một con cờ được đem dùng rồi được thí bỏ.

Với số tiền lương gạt khổng lồ như vậy đáng lẽ Nguyễn Văn Mười Hai đã bị lãnh án tử hình. Hình như đã có sự thương lượng trước cho nên để cứu lấy cái đầu của mình Nguyễn Văn Mười Hai đã không khai ra những quan chức đã từng ăn chia với hắn. Và quan tòa cũng đã không làm khó khi Nguyễn Văn Mười Hai khai không nhớ rõ tên những người đã từng bao che cho Thanh Hương, một lời nói dối có tính thách đố đối với mọi phiên tòa đứng đắn.

Người ta có thể khẳng định rằng thủ phạm chính trong vụ này là nhà nước cộng sản với những sự kiện rất chính xác:

Khởi đầu, ngày 9-3-1988, Hội Đồng Bộ Trưởng ban hành cùng một lúc hai nghị định số 27/HDBT và 28/HDBT trong đó qui định:

*"Nhà nước cho phép các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh vay vốn trong nhân dân, bao gồm cả cán bộ công nhân viên nhà nước, lãi suất do hai bên thỏa thuận"* (Nghị định 27/HDBT, điều 17).

*"Các đơn vị kinh tế tập thể có quyền vay vốn dưới hình thức cổ phần trong nhân dân để phát triển sản xuất kinh doanh"* (Nghị định 28/HDBY, điều 21).

Hai nghị định như vậy đã mở đầu cho phong trào nhận tiền tiết kiệm bịp bợm. Ngay sau đó nhiều người đã lên tiếng báo động về cách huy động vốn bừa bãi này. Cuối tháng 9-1988, ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Sài Gòn ra một dự thảo quyết định có tác dụng giới hạn việc huy động vốn thì được Ngân Hàng Nhà Nước (mà tổng giám đốc là thành viên của Hội Đồng Bộ Trưởng) cho hay là không cần có một qui định như thế vì Ngân Hàng Nhà Nước sắp ban hành một quyết định về việc này. Rõ ràng là có sự cố ý. Lúc đó Thanh Hương đã bắt đầu hoạt động được 3 tháng.

Đến ngày 19-10-1988, khi Ngân Hàng Nhà Nước ban hành quyết định đã hứa này, quyết định mang số 07/NHQD lại không hề đề cập đến việc huy động vốn trong quần chúng.

Không thể nào chối cãi được là Ngân Hàng Nhà Nước đã cố tình bao che cho phong trào nhận tiền ký thác của quần chúng một cách vô tội vạ. Thanh Hương chỉ là một trong vô số tổ chức vay tiền của quần chúng. Hàng trăm quỹ tín dụng đã ra đời trong dịp này. Tất cả đều đã phá sản nhưng chỉ có Thanh Hương bị đem xử trong một vụ án đầy kịch tính.

Trong các vụ khác, các nạn nhân tự tiện đến trụ sở của công ty đã nhận tiền của mình để vớt vát những gì còn vớt vát được như hàng tồn kho, tủ lạnh, bàn ghế, Tivi, v.v... và không thấy có xét xử gì cả. Một vài cơ quan chức năng cấp nhỏ nhưng chắc vì không hiểu chính sách của chính quyền đã nhiều lần đưa cán bộ tới kiểm tra và báo cáo về hoạt động mờ ám của công ty Thanh Hương, nhưng Thanh Hương vẫn đứng vững cho tới tháng 3-1990 khi số người đến rút tiền ra bắt đầu lên cao. Ban giám đốc Thanh Hương đột ngột bị bắt giam ngày 10-3-1990, đúng hai năm sau ngày hai quyết định của Hội Đồng Bộ Trưởng được ban hành.

## Điện lại tăng giá

Biến động về giá cả trong nước từ mấy tháng qua xứng đáng được sự quan tâm đặc biệt của các chuyên gia. Giá cả đã biến chuyển rất khác với những gì người ta từng thấy trước đây. Vàng (3,1 triệu đồng một lượng vào ngày 5/11) và đô la Mỹ (6500 đồng/USD) tăng ít, có tuần còn giảm đi. Các mặt hàng tiêu dùng cấp cao như Tivi, Radio, nồi cơm điện, xe gắn máy đứng hoặc giảm giá đôi chút. Các loại sữa nhập cảng như SIMILAC, GUIGOZ đứng giá hay tăng rất ít, trong khi sữa Ông Thọ nội địa lại tăng nhanh. Gạo tiếp tục tăng giá ở mức báo động (10% mỗi tuần). Tại nhiều chợ gạo ngon đã vượt quá mức 2000 đồng/kg. Gạo trắng thường đã lên đến mức 1500 đồng/kg, gần gấp ba lần mức giá 6 tháng về trước.

Cơ cấu giá cả như vậy nói lên sự khánh tận của cả nước. Người dân không còn khả năng mua sắm nữa, đã dồn mọi cố gắng vào việc ăn uống và những nhu cầu tối cần thiết. Các trẻ em cũng không thể dùng sữa ngoại quốc nữa mà phải quay về với sữa nội địa. Vô ruột và phụ tùng xe đạp, một nhu yếu phẩm quan trọng không kém gì thực phẩm cũng tăng giá quá mau chóng. Đất nước đã quá bần cùng để có thể có một đợt lạm phát lớn mới, cũng như một cơ thể đã quá yếu để yếu thêm một cách đột ngột.

Nhưng như thế không có nghĩa là cơ cấu giá cả sẽ tiếp tục như trong vài tháng qua. Nhà nước cộng sản vừa quyết định tăng giá điện tiêu dùng lên 230 đồng/kWg, gấp đôi mức giá từ tháng 2-1990 (120 đồng/kWg). Riêng các ngành kinh doanh, dịch vụ, buôn bán và người nước ngoài phải trả 500 đồng/kWg. Giá điện tăng sẽ bắt buộc phần lớn các ngành sản xuất hàng tiêu dùng phải tăng giá hoặc phá sản.

## Lufthansa mở chuyến bay Frankfurt Sài Gòn

Hãng hàng không dân sự Lufthansa của Đức quốc vừa ký kết với Việt Nam để mở chuyến bay hằng tuần Frankfurt - Sài Gòn, qua Singapore. Đây là lần đầu có tuyến bay trực tiếp thường xuyên Singapore - Sài Gòn (trước đây, chỉ có charter của hãng Cassidy trên tuyến này). Chuyến bay đầu tiên khởi hành từ Frankfurt ngày 29 và đến Sài Gòn ngày thứ ba 30 tháng 10 vừa qua.

Sự kiện một hãng hàng không Tây Đức trở thành hãng thứ hai của Âu châu (sau Air France) có chuyến bay đến Việt Nam là một việc có ý nghĩa. Nước Đức mới thống nhất thừa hưởng quan hệ tốt của Đông Đức trước đây với Hà Nội, đang tìm cách "xì chỗ" để nhảy vào thị trường Việt Nam sau khi có thay đổi chính trị tại đây.

Trong hai năm qua, đã có ba hãng Á Châu mở đường bay tới Việt Nam. Philippine Airlines có một chuyến bay hằng tuần Manila - Sài Gòn, còn hai hãng Malaysia Airlines và Garuda Indonesia có hai chuyến bay hằng tuần, từ Kuala-Lumpur và Jakarta. Nhưng một phần quan trọng thị trường nằm trong tay hai hãng Air France (bốn chuyến Boeing 747 hằng tuần) và Thai Airways (bốn chuyến đi Sài Gòn, ba chuyến đi Hà Nội). Những hãng địa phương khác cũng đang sửa soạn nhảy vào thị trường đang lên này, trong đó đáng kể nhất là Cathay Pacific Airways của Hồng Kông.

# Độc giả viết

## Ý tưởng rời rạc

[...] Tôi vẫn còn thấy vấn đề dân chủ đa nguyên được nêu ra chủ yếu là những ý tưởng rời rạc, những ý muốn hơn là tư tưởng của một triết luận chính trị; bởi vì tư tưởng là một hệ thống vừa có lý luận vừa có nhận thức, có đối chứng, có sáng tạo lập thành, nó có trình tự một cách tự nhiên theo cấp độ hiểu biết. Từ có hệ tư tưởng như vậy mới đúc kết thành nguyên lý tức là lý lẽ tự nhiên về vận động xã hội. [...]

Muốn hiểu cặn kẽ một vấn đề hay giải quyết một vấn đề đòi hỏi cần phải định nghĩa định danh lại cho đúng, nó quan trọng lắm để cho người ta không hiểu sai lệch. Tại sao người ta phản đối? Là do hiểu lầm nhiều hơn là lý lẽ.

Thí dụ: nêu lên "dân chủ đa nguyên" thì phải định nghĩa cho được dân chủ là gì? đa nguyên là gì? Rồi phải nói được ý nghĩa của nó đồng thời so sánh với dân chủ cổ điển (tôi mới thấy báo viết, thật sự tôi cũng chẳng hiểu dân chủ cổ điển là cái chi và là lần đầu tiên tôi mới nghe đến nó) hay với nền dân chủ tây phương hiện thời, v...v... như vậy mới hiểu lặt xác vấn đề.

[...] Tôi thần phục tất cả mọi người đang cố gắng cho nảy sinh mầm sống mới, tôi hy vọng tất cả người Việt năm châu có được nhiều người biết hiến dâng cho xã hội không phải vì danh lợi hay quyền, mà đến với nhau trong tâm hồn. [...]

Trần Văn Sang (Toronto, Canada)

## Nghĩ về buổi hội luận đầu tiên

[...]

Nguyên tắc của hội luận, theo ban tổ chức, chủ yếu là những gợi ý và không cần có tranh luận. Diễn giả và thính giả (cử tọa)

cử việc nói, cử lắng nghe; không thể biết mình đúng hay sai, phù hợp hay lạc lõng chỗ nào... Tóm lại, mạnh ai nấy nói, riêng ai nấy làm, lại không có đúc kết, nhận định chung, ra nghị quyết... thì quả thật con đường của hội luận mau chóng trở thành một vòng tròn khép kín. Chẳng ích lợi gì cho ai cả!

[...] Trong bản thông báo về ngày hội luận đã quyết định ghi chép nguyên văn và toàn văn nội dung mọi phát biểu rồi sau đó đem in và phổ biến. Bản thông báo nhấn mạnh là việc phổ biến các đóng góp ý kiến còn quan trọng hơn cả bản thân việc tổ chức ngày hội luận.

Hiển nhiên ban tổ chức chủ ý tập hợp các ý kiến có thể nhiều dị biệt cốt để gây một phong trào thảo luận giữa đồng bào không chỉ ở hải ngoại mà còn ở trong nước nữa.

Mặc dù như vậy là một hành động theo quy cách dân chủ, tự do, nhưng tại sao chúng ta không thể làm ngược lại là gom góp ý kiến trước rồi phổ biến rộng rãi? [...]

Phản suy nghĩ nữa của tôi về buổi hội luận mùa thu Canh Ngọ này, tôi nhận thức rằng sẽ chủ thành công về mặt lý luận vì đã khai triển khá toàn hảo mọi mặt của quả cầu ngũ sắc đa nguyên. [...]

Thiên Thiên Nguyễn Ngọc Châu

(Miền Đông Nam nước Mỹ, mùa thu 1990, Canh Ngọ)

LTS. Ý kiến trên đây được gửi đến tòa soạn trước ngày tổ chức hội luận 27-10-90. Cùng với ý kiến này là một phân tích của ông Nguyễn Ngọc Châu về hai lực lượng phản diện thường trực và công khai hiện nay; đó là đảng và chính phủ cộng sản Việt Nam với các tổ chức đấu tranh của đồng bào Việt Nam nước ngoài. Nếu tác giả đồng ý, chúng tôi sẽ cho đăng phân tích này trong tập kỷ yếu Hội Luận Dân Chủ Đa Nguyên, phần góp ý.

Tòa soạn nhân tin. Xin ông Phạm Sử liên lạc với tòa soạn về việc đăng bài "Đoàn Kết" mà ông đã gửi cho chúng tôi, nhưng quên đề địa chỉ.

## THỜI SỰ... TIN TỨC...THỜI SỰ... TIN TỨC....

Thị trường hàng không Việt Nam đang phát triển mạnh, tuy so với các nước chung quanh thì chưa thấm vào đâu. Hà Nội quảng cáo rầm rộ về du lịch, lấy năm 1990 làm năm du lịch, với chỉ tiêu 250.000 khách nước ngoài. Đến nay, chỉ tiêu này còn xa vời, vì con số 100.000 khó có thể đạt được vào cuối năm. Tuy vậy, vẫn có gia tăng đáng kể so với năm ngoái (60.000), và gia tăng "vượt mức" nếu so với năm 1986 (7.000). Cũng nên biết rằng Thái Lan chờ đợi 4 triệu 800 ngàn khách du lịch năm 1990.

## Hội thảo bàn tròn về văn học lưu vong

Đáp lời mời của tạp chí "Hommes & Migrations" và "Nhóm Nghiên Cứu Xã Hội Học Về Văn Chương Lưu Vong" (GESLE) nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu đại học đã tới Paris để dự cuộc hội thảo "bàn tròn" về văn học lưu vong, theo hình thức tọa đàm.

Trong hai buổi họp, những người tham dự đã xem xét các nền văn học lưu vong trên thế giới, so sánh các đặc điểm của những nền văn học lưu vong Châu Âu, Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ la-tinh.

Buổi tọa đàm thứ nhất diễn ra ngày thứ hai 26-11-1990 đã qui tụ những nhà văn đến từ Châu Phi, Châu Âu, Châu Mỹ la-tinh. Buổi họp thứ hai diễn ra ngày thứ năm 29-11-1990 dành cho các nhà nghiên cứu về văn học lưu vong. Ngoài các nhà văn, nhà thơ người Châu Phi như Dakexo, Belahri, người Châu Âu như Nedercovici, người Châu Mỹ la-tinh De Leon, ngoài các nhà nghiên cứu đại học như Cymerman (Đại học Rouen), Jean Michel Palmier (Đại học Paris-Sorbonne), G. Mouilloux Fraisse (Đại học Aix en Provence), người ta thấy còn có hai người Việt, cô Linda Lê và ông Trần Thanh Hiệp. Trong phần tham luận của mình ông Hiệp đã nêu lên những đặc tính của nền "văn học lưu vong" Việt Nam để phân biệt nó với những nền văn học lưu vong khác, Do Thái, Đông Âu, Mỹ la-tinh.

Cả hai buổi tọa đàm đều do ông Philippe Dewitte, chủ bút tạp chí "Hommes & Migrations", và ông Lê Hữu Khóa, giảng viên xã hội học tại các đại học Paris, Amiens, điều hợp.

# Viết cho ngày giỗ Hàn Mạc Tử

Sao anh không về chơi thôn Vỹ,  
Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên...

là một trong đám ba câu thơ đẹp và trong sáng nhất trên nền trời thơ Việt Nam. Thần diệu trong đơn giản, câu thơ gọi lên một không gian tuyệt vời - mà không gian ấy lại là quê hương chúng ta.

*Đây Thôn Vỹ Giã* của Hàn Mạc Tử cấu trúc trên những câu hỏi, mở đầu bằng một câu hỏi. Sao? Chữ sao, nghi vấn và phiếm định, khởi nguồn một bài thơ, sẽ là một đặc sắc của thơ mới:

*Ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung...*

*Sao buổi đầu xuân êm ái thế...*

*Sao đây hoàng hôn trong mắt trong...*

Nhạc điệu tân kỳ: câu thất ngôn Việt Nam nhịp 3/4; câu thơ đường luật nhịp 4/3. Câu thơ Hàn Mạc Tử tự nhiên: 2/3/2:

*Sao anh / không về chơi / thôn Vỹ*

Sáu âm bằng nhịp những bước chân đều, dừng lại ở âm trắc cuối câu. Mãi sau này ta mới gặp âm điệu ấy ở Nguyễn Đình Thi:

*Ngôi sao trong đêm không bao giờ tắt*

Hai nhà thơ đã đưa câu thơ gần đến biên giới văn xuôi, gần đến câu nói thường, mà vẫn là thơ: nghệ thuật là chỗ ấy. Thanh điệu làm nổi bật chữ về, dấu huyền, giữa câu, đáng lẽ phải là âm trắc theo quy luật *Gió theo lối gió, mây đường mây*. Chữ "về", đặc địa và đặc ý, là một chữ rất Huế. Người Việt dùng chữ về để diễn tả sự trở lại: về nhà, về làng, về nước, về nguồn...; người Huế, đi đến nhà bạn, ở xa, cũng dùng chữ "về", thân ái, tâm tình. Mỗi tình bạn là một quê hương, một đợi chờ, "một cõi đi về", dù chỉ để:

*Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên*

Tiếng Việt phân biệt nắng với mặt trời. Thấy nắng trước khi thấy mặt trời; câu thơ diễn tả niềm vui, khi bắt gặp nắng trên đọt cau, rồi mới ý thức được ánh sáng ngoại giới. Nắng đẹp phải là nắng mới, và nắng sớm; và đẹp nhờ thiên nhiên phản chiếu. Cây cau đẹp vì thân gãy guộc, cắt những tàu lá nhọn rủ xuống trên nền trời; *lá trúc* cũng vậy. Tàu cau, cành trúc giúp ta yêu một màu trời, nâng tầm nhìn và tầm suy nghĩ lên cao để yêu một khóm mây, một làn gió, một tia nắng quái, một mảnh trăng non. Ừ. Trăng trên đọt cau phải là trăng non hay trăng khuyết, một chiếc trâm ngọc ngời sáng cái hừng hờ trên mái tóc. Mảnh trăng non, sau tàu cau, lá trúc, là tia nhìn kín đáo bên kia hàng đậu. Là làn môi mộng vẫn đợi vẫn chờ bên kia rèm ký ức.

*Vườn ai muốt quả xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

Vườn. Ôi những vườn trưa trong những bóng xưa! Người xưa tượng trưng hạnh phúc địa đàng trong một khu vườn. Tôi mừng tượng là một khu vườn thôn Vỹ, đơn sơ như lời tả của bạn tôi: *bụi hóp sống chung với hàng chè tàu, vườn trước thi nở tận tiện một hai khóm hoa đủ làm vui mắt người đi đường*. Đã có người gọi đồng bằng sông Cửu Long là *văn minh Miệt Vườn*, cũng có người gọi văn hóa Huế là văn hóa Vườn. *Vườn ai muốt quả...* Âm hao mềm mại, óng ả, lưu luyến nhờ những nguyên âm đôi, làm nổi bật chữ ai dịu dàng, tình tứ, rất Huế: *ai ngồi ai câu, ai sâu ai thăm, ai thương ai cảm, ai nhớ ai mong...* thuyền ai thấp thoáng bên sông. Có lẽ câu hò đã đẩy câu thơ:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

*Có chờ trăng về kịp tối nay*

Và đưa ta đến bờ trăng, bến mộng, cõi tình và cõi mơ. Lại một cõi về, xao xuyến, nôn nao vì chữ *kịp*. Ánh sáng ban mai màu ngọc đã chuyển sang màu ngà, màu trắng lai láng tràn đầy, rồi tan

dần, mờ dần, ngoại cảnh nhòa đi như không còn nữa, chỉ còn tâm cảnh và nhân ảnh:

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*

*Ai biết tình ai có đậm đà*

\*

Bài thơ *Đây Thôn Vỹ Giã* làm để tặng người yêu trong mộng, tên Hoàng Cúc.

*Xiêm áo đêm nay tề chỉnh quá*

*Muốn ôm hôn Cúc ở trong sương*

Thuở ấy, khoảng 1932, chàng vừa hai mươi tuổi, làm sở đặc điền ở Quy Nhơn; nàng khoảng mười sáu mười bảy, cùng ở một đường. Tình vu vơ của tuổi hoa niên. Sau đó, nàng theo gia đình về Huế, chàng vào Sài Gòn, làm văn làm báo. Khi biết chàng bị chúng nan y, nàng gửi một tấm hình - chắc là phong cảnh - để hỏi thăm sức khỏe. Chàng cảm động rụng rời và xuất thần làm nên bài thơ *lá trúc che ngang mặt chữ điền*.

Ngày nay, chúng ta tưởng niệm năm mươi năm ngày Hàn Mạc Tử mất; Hoàng Cúc cũng mới qua đời năm ngoài tại Huế, vào tháng 2-1989. Bà tên thật là Hoàng Thị Kim Cúc, không lấy chồng, lấy tu làm cõi phúc. Bà hoạt động cho những tổ chức Phật Học, sau này trở thành phong trào Phật Giáo mà cao điểm là 1963. Bà dạy gia chánh tại trường Đồng Khánh, Huế, và là một khuôn mặt được dân chúng Huế yêu kính hàng đầu. Và Hàn Mạc Tử, như mọi người đều biết, là nhà thơ công giáo đầu tiên và lớn lao nhất của dân tộc.

*Đây Thôn Vỹ Giã*, một tuyệt tác, ca ngợi về đẹp quê hương, đã bắt nguồn từ một mối tình trong sáng. Ấy thế mà nó đã bị Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam vùi dập qua bài báo *Đây Thôn Vỹ Dạ, một tiếng thờ dài đáng quý* trên báo *Người Giáo Viên Nhân Dân* tháng I, 1990 của một ông Lê Đình Mai nào đó. Theo bài báo, thôn Vỹ là một... ổ điểm, và Hàn Mạc Tử đã có công "*phản ánh kiếp sống giang hồ, tố cáo tệ đoan của xã hội cũ, trong một bài thơ hiện thực, nhân đạo, một tiếng thờ dài đáng quý*". Ôi thánh tai! thánh tai và thánh tai! Maria linh hồn tôi ớn lạnh! Tôi không phiến trách ông giáo đình-Mai-đình-Cuộc nào đó, mà hốt hoảng trước cái chế độ đã gây nên hiện tượng dốt nát kia trong giáo giới, và trước một chủ nghĩa văn học đã tạo ra những lý luận lạc hậu và thô thiển như vậy. Ngày một ngày hai, chế độ kia sẽ sụp đổ, sẽ thoát xác; chúng ta có thể tiên liệu trong bao nhiêu năm sẽ xây dựng lại được kinh tế, chính trị, ngoại giao... Nhưng phải bao nhiêu năm mới tạo ra mỹ cảm trước một ánh trăng, ngoài cảm trước một bức tranh, hay một vần thơ, trong những con người, những thế hệ sinh ra trong máu lửa, trưởng thành trong thù hận, và bị nhồi sọ bằng mới lý luận hẹp hòi, dung tục?

Trong các tác phẩm in ấn trước đây và gần đây trong nước, phản kháng hay không phản kháng, có lắm cái hay, mới, thâm trầm, sâu sắc, mà dường như vẫn thiếu chất thơ. Tình đời là vậy: cái cộng sản không thơ, thì cái kháng cộng và chống cộng cũng không thơ. Rồi trong đời mình, bao giờ mình mới được nghe lại một câu hỏi đậm thâm, dịu dàng, trong trẻo, hao hao như giọng người xưa:

*Sao anh không về chơi thôn Vỹ...*

Hãy trả Hàn Mạc Tử lại cho thôn Vỹ, cho những vườn trăng: *ai nói vườn trăng là nói vườn mơ. Ai nói bến mộng là nói bến tình. Người thơ là khách lạ đi giữa nguồn trong trẻo*.

Năm nay, hôm nay, bạn và tôi hãy cùng tưởng niệm người khách lạ, cách đây nửa thế kỷ, đã già từ những bến ỳnh để ngược về trong nguồn trong trẻo.

*Dặng Tiến*

Ngày giỗ Hàn Mạc Tử (1912-1940)

11-11-1990

Và Thái Thanh đã sống lẩn lóc giữa cơn lốc đó. Từ tuổi mười lăm, mười bảy, cô Băng Thanh - tên thật Thái Thanh - đã mang ba-lô theo kháng chiến chống Pháp: Hà Nội, khu III, khu IV, chợ Sim, chợ Đại, chợ Neo, trung đoàn 9. Về thành, cô đã góp công, tích cực và hiệu lực vào việc củng cố, phát triển nền tân nhạc mới phối thai với ban hợp ca Thăng Long, sau đó là kiếp ca nhi chạy phòng trà những nơi gọi là "Sài Thành hoa lệ", những đêm màu hồng, chiều màu tím.

Bị kìm hãm mười năm dưới chế độ cộng sản, cô không hát, *chìm gìn giữ tiếng, tiếng chim Thanh như lời Phạm Duy* trong một tổ khúc. Sang Hoa Kỳ, Thái Thanh hát lại, *vẫn đắm say, vừa kiêu sa vừa gần gũi, đơn giản và điều luyện.*

\*

Xã hội Việt Nam ngày nay tuy đã vượt xa thành kiến lạc hậu "xướng ca vô loài" vẫn chưa có khả năng đánh giá đúng mức giá trị của ca sĩ. Nói rằng hát hay, cũng phải ba bảy đường hay. Thái Thanh, ngoài giọng hát điều luyện phong phú, mở rộng trên nhiều cung bậc, còn có năng khiếu văn chương để làm nổi bật lời ca trong nhạc khúc và tạo ra một khí hậu, một tâm cảnh chung quanh bài hát. Nghe Thái Thanh hát là thưởng thức một khúc nhạc, một bài thơ, trong một thế giới nghệ thuật trọn vẹn. Giọng hát xoắn sâu, xoáy mạnh vào tâm tư người nghe, khi lắng lắng, khi tê buốt, nhưng lúc nào tâm tư cũng vươn lên, hay lắng xuống. Giọng hát Thái Thanh tha thướt và tha thiết buộc người nghe phải sống cao hơn, sâu hơn, sống nhiều hơn. Tiếng hát Thái Thanh có lúc gợi cảm, khơi tình, nhưng vẫn là những *hồn hển như lời của nước mây* trong thơ Hàn Mặc Tử.

Hữu thể làm bằng sỏi đá và sắt thép, thân xác và nước mắt phút chốc tan biến, trở nên vô hình, vô thể, biến thành tiếng hát khi trầm mặc khi cao vút; Thái Thanh, phù thủy của âm thanh là một thú Đào Nương trong truyền thuyết có ma lực hút về những tâm tình u khuất.

\*

Trong những cassette giới thiệu nhạc phẩm của mình, Phạm Duy một đôi lần có lưu ý Thái Thanh khi hát, thỉnh thoảng hát sai. Dĩ nhiên một tác giả có quyền đòi hỏi người khác phải trung thành với văn bản của mình; riêng trong nghề ca xướng, nghệ nhân vẫn có thông lệ đổi vài chữ cho hợp với hoàn cảnh, nhất là ở Việt Nam nền văn nghệ trình diễn vốn dựa trên truyền thống truyền khẩu lâu đời.

Ví dụ như bài Cho Nhau, Phạm Duy viết:

*Cho nhau ngòi bút còn trơ...*

*Cho nhau, cho những câu thơ tàn mùa*

*Cho nốt đêm mơ về già*

Thái Thanh hát:

*Cho nhau ngòi bút còn lưa*

...

*Cho nốt đêm mơ về già*

Lưa là một chữ cổ, có nghĩa còn sót lại, nhưng mang một âm thanh u hoài, luyến lưu, tiếc nuối. Ca dao Bình Trị Thiên có câu:

*Trăm năm dù lỗi hẹn hò*

*Cây đa bên Cộ con đò vắng đưa*

*Cây đa bên Cộ còn lưa*

*Con đò đã thác năm xưa tẻ rồi.*

Chính Phạm Duy cũng có lần sử dụng chữ lưa trong bài *Mộng Du*: *Ta theo đường mộng còn lưa...* Dĩ nhiên ngòi bút còn trơ có nghĩa chính xác hơn, nhưng không thi vị bằng *ngòi bút còn lưa*.

*Cho nốt đêm mơ về già*, như Phạm Duy đã viết, nghĩa là cho

phút đi, cho đi cho xong. Chữ *nối* của Thái Thanh, thay vào chữ *nốt*, tinh tú và thủy chung hơn: những giấc mơ về già chỉ là tiếp nối những giấc mơ tuổi xuân mà anh không tặng được em vì gặp em quá muộn; cho nhau chỉ còn trái đắng cuối mùa, nhựa sống trong thân cây chỉ còn dâng được cho em dư vị chua chát và cay đắng.

Phạm Duy viết:

*Cho nhau thù oán hờn ghen...*

*Cho nhau cho côi âm ty một miền*

Thái Thanh hát:

*Cho nhau cho nỗi âm ty một miền*

Chữ *nối* nhúc nhối, vì với tuổi già nỗi chết nằm ngay trong cuộc sống, mỗi ngày một gặm nhấm sinh lực. Thế Uyên có một tập truyện mang tên *Nối chết không rời*. Cho em nỗi chết là cho tất cả những niềm hoang mang, khắc khoải, đau thương còn lại - nghĩa là chút tình yêu còn lưa trong từng nhịp đập yếu ớt của trái tim đã cạn dần cạn mòn hết những mùa xuân. Chữ *nối* hay hơn chữ *côi*, vì *côi* chỉ là một không gian mà ta không thể cho chác. Cho *côi* âm ty, thì không lẽ ta là... Diễm Vương hay sao?

Nói như thế, không có nghĩa là khuyến khích ca nhân đổi lời tác giả. Chính Thái Thanh nhiều khi hát sai và hát dở, ví dụ như trong Về Miền Trung: *Tan thân thiếu phụ, nát đầu hải nhi* mà đổi ra làm *Thương thân... khóc đầu* là hồng, nhưng người nghe dễ nhận ra và điều chỉnh. Nhiều chỗ sai, người nghe không để ý.

Ví dụ câu này có thể xem như là một trong những câu hay nhất của Phạm Duy và tân nhạc Việt Nam:

*Về miền Trung còn chờ mong núi về đồng xanh*

*Một chiều nao đốt lửa rực đỏ thành*

Thái Thanh hát *một chiều mai đốt lửa...* là đánh vỡ một viên ngọc quý. Chữ *nao* mơ hồ, phiếm định, chỉ là giấc mơ ánh sáng, màu sắc của nghệ sĩ - mà Nguyễn Tuân gọi là *cơn hòa mộng* - nó chỉ là hình ảnh nghệ thuật, chứ Phạm Duy không mong có ngày đốt thành phố Huế. Có lẽ ông còn giữ trong ký ức câu thơ của Chính Hữu trong *Ngày Về* mà ông rất thích:

*Bỏ kinh thành rừng rực cháy sau lưng*

tả tâm trạng chiến sĩ Trung Đoàn Thủ Đô khi rời Hà Nội đầu 1947. Cái phiền là người nghe không thể để ý đến những sai lầm nhỏ nhặt như vậy. Có gì đau khổ bằng những lỗi lầm mà trong một đời, con người không sửa chữa được, vì không ý thức?

\*

Thơ không thể dịch được, nghĩa là không thể chuyển thơ từ ngôn ngữ nước này sang ngôn ngữ nước khác mà không làm mất hồn thơ, làm mất chất đẹp trong thơ, nhưng có thể chuyển thơ sang hình thức nghệ thuật khác như chuyển thơ sang nhạc hay phổ nhạc những bài thơ hoặc ngược lại đặt lời thơ cho bản nhạc.

Chúng ta có nhiều nghệ sĩ sáng tác những nhạc khúc tuyệt vời với ngôn ngữ thi ca, nhưng chúng ta có ít ca sĩ thấm được hồn thơ trong nhạc bản. Đạt tới tuyệt đỉnh trong ngành trình diễn, Thái Thanh nắm vững cả bốn vùng nghệ thuật: nghệ thuật truyền cảm, nghệ thuật âm nhạc, nghệ thuật thi ca và nghệ thuật phát âm tiếng Việt, giữ địa vị độc tôn trong tân nhạc Việt Nam gần nửa thế kỷ: *Thái Thanh chẳng cần làm thơ cũng đã là thi sĩ.*

Giữa những phối pha của cuộc đời, tàn phai của năm tháng, giọng hát Thái Thanh vang vọng trong bầu trời thơ diễm tuyệt. Ở đó đau thương và hạnh phúc quện lẫn với nhau, người ta *cho nhau cả bốn trùng dương* và mặc tàn phai, mặc tháng năm, tiếng hát vẫn bay bổng ở *chốn trần gian hoặc ở vô hình.*

Thụy Khuê



# Sở Tay

## Thái Thanh, tiếng hát lên trời

Thụy Khuê

Trong những phút giây thiếu vắng trống trải nhất hay những nhớ nhung cuồng nhiệt nhất của cuộc đời, mọi hiện diện hữu hình đều vô nghĩa, ta chờ đợi một đổi trao, khát khao một niềm giao cảm thì sự hiện diện vô hình đem lại một nguồn sáng, một tri âm, một đồng tình gần gũi: *sự hiện diện của tiếng hát.*

Nếu *thơ là một ngôn ngữ riêng trong ngôn ngữ chung*, theo Valéry, hay *thi ca là tiếng nói của nội tâm không giống một thứ tiếng nói nào của con người*, theo Croce, thì âm nhạc hẳn là tiếng nói của những trạng thái tâm hồn và nhạc công hay ca sĩ là nguồn chuyển tiếp, truyền đạt những rung động từ hồn nhạc sĩ đến tâm người nghe.

Thị giác giúp chúng ta *đọc* một bài văn, *nghe* ngấm một bài thơ, nhưng chúng ta không thể *thường thức* một bản nhạc bằng thị quan của riêng mình mà phải nhờ đến người trình diễn, đến ca công, ca kỹ. Ngàn xưa nếu người kỹ nữ bên Tầm Dương chẳng gieo "*tiếng buông xé lụa lụa vào bốn dây*" chắc gì ngàn sau còn rơi dấu vết Tỳ Bà Hành?

Sự biểu đạt tác phẩm nghệ thuật hay sự truyền thông cảm xúc từ nhạc bản đến thính giả, nơi một vài nghệ sĩ kỳ tài, không chỉ ngưng ở mức độ trình diễn mà còn đi xa hơn nữa, cao hơn nữa, tới một tầm mức nào đó, ca nhân đã sáng tạo, đã đi vào lãnh vực nghệ thuật: nghệ thuật vô hình của sự truyền cảm, nghệ thuật huyền diệu sai khiến con người *tim nhau trong bom lửa, tim nhau trong mưa bão*, nghệ thuật dị kỳ tái tạo bối cảnh quê hương đã *ngìn trùng xa cách*, nghệ thuật mời gọi những tâm hồn đơn lạc xích lại gần nhau *diu nhau đưa nhau vào ngàn thu*, nghệ thuật không tưởng *đừng cho không gian đựng thời gian* khi ca nương cất tiếng hát, tiếng hát của bầu trời, giao hưởng niềm đau và hạnh phúc: Thái Thanh.

\*

Người ta nói nhiều đến sự nhạy cảm của người đàn bà, đến một thứ giác quan nào đó ngoại tầm nam giới. Những người đàn bà phi thường như Thanh Quan, Piaf, Thái Thanh,... đã tận dụng đến cùng cảm quan bén nhạy của người phụ nữ để sai khiến, xao động, chuyển hóa ngôn ngữ, âm thanh, màu sắc... những yếu tố thuần phạm vi ngoại giới thành nội cảm, cấu tạo nên một vũ trụ thứ hai, đắm đuối, cuồng say, trong lòng người:

*Trời trong em, đời choáng vằng*

*Rồi run lên cùng gió bốn miền*

Tiếng hát Thái Thanh đến với chúng ta bằng rung động trực giác rồi tan loãng trong suy tư, xoáy vào những hố sâu, những đỉnh cao, vào tiềm lực của sự sống. Trong nghệ thuật hội họa, Van Gogh dùng sắc độ chói rạng để diễn tả những cuồng nhiệt, những trận bão trong tâm hồn; trong nghệ thuật trình diễn, Thái Thanh vận dụng tiết tấu của âm thanh tạo nên sự giao thoa mãnh liệt giữa con người, tình yêu và vũ trụ:

*Ngày đó có bơ vơ lạc về trời*

*Tìm trên mây xa khơi có áo dài khăn cười*

*Ngày đó có kêu lên gọi hồn người*

*Trùng Dương ơi! Có xót xa cũng hoài mà thôi!*

\*

Về lên hình ảnh người nữ ca sĩ dưới ánh đèn sân khấu, Hoàng Trúc Ly đã có câu thơ thật hay:

*Vi em tiếng hát lên trời*

*Tay xao dòng tóc, tay mời âm thanh*

Câu này, trái với vài truyền thuyết, không nhằm vào một danh ca nào nhất định, chỉ gợi lên không khí các phòng trà ca nhạc Sài Gòn khoảng 1960. Nhưng *tiếng hát lên trời* là một hình ảnh có lẽ hợp với giọng ca Thái Thanh nhất, giữa nhiều tiếng hát thời đó, và bây giờ ở hải ngoại. Thái Thanh là một danh hiệu, nhưng như có ý nghĩa tiền định: bầu-trời-xanh-tiếng-hát. Hay tiếng hát xanh thắm màu trời. Tiếng hát *long lanh đáy nước* trong thơ Nguyễn Du, *lơ lửng trời xanh ngắt* trong một ngày thu Yên Đỗ, tiếng hát *sâu chót vót* dưới đáy Tràng Giang của Huy Cận, hay *đắm sương trắng, ngừng lưng trời* trong Xuân Diệu, tiếng hát *cao như thông vút, buồn như liễu* đến từ cõi Thiên Thai nào đó trong mộng tưởng Thế Lữ.

Ngày nay, thường thức giọng ca huyền ảo của Thái Thanh trong tiện nghi, âm cúng, chúng ta ít ai còn nhớ đến định mệnh gian truân của một tiếng hát, những bước gập ghềnh khúc khuỷu, chênh vênh, trôi nổi, theo vận nước lênh xuống. Tiếng nhạc Phạm Duy gắn bó với tiếng hát Thái Thanh thành tiếng của định mệnh, chứng nhân của nửa thế kỷ tang thương, chia lìa trên đất nước. Tiếng Thái Thanh là *tiếng nước tôi*, là tiếng nước ta, là tiếng chúng ta, là tiếng tình yêu, là tiếng hy vọng, là tiếng chia ly, oan khổ... Tiếng hát Thái Thanh vang vọng những đón đau riêng của phận đàn bà, mà người xưa đã nhiều lần nhắc đến bằng nhiều công thức: hồng nhan đa truân, tài mệnh tương đố, tạo vật đố hồng nhan. Giọng hát Thái Thanh dịu dàng đắm thắm vẫn có chất gì đắm đuối và khốc liệt. Thái Thanh tình tự những khát vọng và những đau thương của hàng chục triệu người phụ nữ Việt Nam, một thế hệ đàn bà bị đập vùi trong cuộc chiến kéo dài hằng nửa thế kỷ, kèm theo những giằng co tranh chấp, những băng hoại của một xã hội bất an. Nạn nhân âm thầm, vô danh là những người tình, những người vợ, những người mẹ đã có dịp nức nở giữa tiếng hát Thái Thanh: *từ o nghèo thờ dài một đêm thanh vắng đến nàng gánh lúa cho anh đi diệt thù*, đến lúc *anh trở về bại tướng cụt chân*, đến nhiều, rất nhiều bà mẹ Việt Nam, từ Gio Linh đến Đồng Tháp suốt đời *cuộc đất trồng khoai*... Tiếng hát Thái Thanh là tiếng vọng khuya khoắt của cơn bão lịch sử.

(xem tiếp trang 19)

## THÔNG LUẬN

### Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages  
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 110 FF hoặc tương đương  
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương  
(nếu được, xin dùng personal check)

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đã

VIET NAM FRATERNITE (xin dùng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó